



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

**MỖI THÁNG 2 KỲ**

**4**

**Tháng 02 - 2014**

# **BỘ XÂY DỰNG PHÁT ĐỘNG THI ĐUA HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2014**

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

**4**

**SỐ 4 - 02/2014**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 245/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 5
- Quyết định số 249/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 7
- Thông tư số 02/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở 9

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 04/2014QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh 12
- Quyết định số 04/2014QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ban hành “Quy định phối hợp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam” 14



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

**(Trưởng ban)**

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu tiêu chuẩn: Sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) - Phần I: Giới thiệu và phân loại (MS: TC 37-13) 18
- Nghiệm thu 04 Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam 19
- Nghiệm thu đề tài biên dịch tiêu chuẩn “Xây dựng công trình trong vùng động đất” 21
- Đánh giá độ bền vững của xi măng pooc lăng đá vôi PLC ở Mỹ 23
- Cục sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Mỹ (OSHA) sửa đổi những qui định về các vật liệu độc hại 24
- Triển vọng xây dựng xanh tại Ucraina 25
- Trung Quốc nỗ lực phát triển công trình xanh 27

## **Thông tin**

- Đảng bộ Bộ Xây dựng họp tổng kết công tác Đảng năm 2013 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 30
- Ban điều hành Đề án 1511 tổng kết công tác năm 2013 32
- Bộ Xây dựng phát động thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 33
- Bệnh viện Xây dựng kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam và Hội nghị triển khai kế hoạch công tác y tế ngành Xây dựng năm 2014 35
- Con đường phát triển đô thị hóa của Hàn Quốc 37
- Những chính sách và gợi ý về nhà ở xã hội tại các nước Châu Mỹ Latinh 40
- Những vấn đề trong quản lý hiệu quả môi trường nông thôn mới ở Trung Quốc 44
- Tin Internet về tiết kiệm năng lượng và xây dựng xanh 46



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 245/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

Ngày 12/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 245/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 28/KL-TW; định hướng Chiến lược biển Việt Nam, đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; phát triển thành vùng động lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước theo hướng mở, có khả năng hội nhập quốc tế sâu, rộng. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển theo chiều sâu gắn với đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; đầu tư có trọng điểm vào một số lĩnh vực mà Vùng có lợi thế cạnh tranh như sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chất lượng cao, du lịch sinh thái, du lịch biển và du lịch văn hóa lễ hội, dịch vụ và kinh tế biển, đảo; phát triển mạnh hệ thống thương mại, đặc biệt là hệ thống bán buôn, làm đầu mối cung ứng hàng hóa cho cả Vùng. Phát triển đồng bộ hệ thống các đô thị, khu dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng thân thiện với môi trường sinh thái gắn với đồng ruộng, miệt vườn, sông nước và

biển đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực và giữa các đồng bào dân tộc trong Vùng. Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, có các giải pháp chủ động phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Cụ thể, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 11%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 10,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Cơ cấu kinh tế năm 2015: Nông lâm nghiệp, thủy sản 23,1%, công nghiệp - xây dựng 33,3%, dịch vụ 43,6%. Cơ cấu kinh tế năm 2020, nông lâm nghiệp, thủy sản 17,3%, công nghiệp - xây dựng 37,4%, dịch vụ 45,3%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.470 USD năm 2015, 4.400 USD năm 2020. Giá trị xuất khẩu đến năm 2015 đạt 5,6 tỉ USD, năm 2020 khoảng 10,3 tỉ USD. Tỷ lệ huy động ngân sách từ GDP đạt 9,5 - 10% đến năm 2015 và khoảng 10 -



11% đến năm 2020.

Về xã hội, phần đầu tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 55% đến năm 2015 và trên 70% đến năm 2020; tạo việc làm hàng năm cho 15 - 15,5 vạn lao động giai đoạn 2011 - 2015 và 17 - 17,5 vạn lao động giai đoạn 2016 - 2020. Phần đầu giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân 1,5 - 2,5%/năm. Tỉ lệ cấp nước sạch đến năm 2015 đối với các đô thị từ loại III trở lên đạt 90%, đô thị loại IV và V đạt 85%, khu vực dân cư nông thôn sống tập trung đạt 60%. Đến năm 2020 tại các đô thị và khu vực dân cư nông thôn sống tập trung đạt 100%. Tỉ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt trên 98,5% vào năm 2015 và đến năm 2020 đạt 100%.

Về bảo vệ môi trường, đến năm 2015, các khu công nghiệp, khu đô thị xây dựng mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn quy định; năm 2020 có 100% khu công nghiệp, khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn môi trường. Đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% chất thải rắn phát sinh tại các đô thị, khu công nghiệp trong vùng được thu gom và xử lý. Nâng tỉ lệ che phủ rừng đến năm 2015 lên 12,2%, đến năm 2020 lên 13,2% và tỉ lệ diện tích đất lâm nghiệp có rừng đạt 100%. Bảo vệ hệ sinh thái biển và ven biển, bảo tồn thiên nhiên, chủ động phòng, tránh giảm thiểu rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Theo Quy hoạch này, định hướng đến năm 2030, mạng lưới kết cấu hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại. Các trục cao tốc đối ngoại và nội vùng được hoàn thành. Hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước được xây dựng đồng bộ. Hệ thống các cơ sở văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế và thể dục - thể thao ở mức cao so với cả nước; kinh tế phát triển năng động và hiệu quả với cơ cấu kinh tế phù hợp và năng động. Hình thành hệ thống đô thị hiện đại, phân bố hợp lý tại các tiểu vùng. Các đô thị lớn như Cần Thơ, Phú Quốc và một số thành phố khác trở thành các trung tâm dịch vụ, du lịch, giao

thương lớn của vùng, cả nước và khu vực, trong đó trọng tâm phát triển Phú Quốc và Năm Căn trở thành Khu du lịch quốc gia. Quy mô dân số của Vùng đến năm 2030 khoảng 7,8 - 8,0 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 4,7 - 4,8 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa đạt 60 - 61%. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển các sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiêu dùng. Phát triển các khu công nghiệp dọc theo trục giao thông quan trọng, kết hợp với mạng lưới cảng biển và cảng sông, gắn với phát triển mạng lưới đô thị. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng ngoài và trong hành lang rào các khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống tại các địa phương. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi và đề điều đa mục tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn. Xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại Cần Thơ, vùng chuyên tôm, lúa - tôm ở Cà Mau và Tứ giác Long Xuyên, vùng nuôi thủy sản nước ngọt ở Cần Thơ, An Giang và các vùng cây ăn trái. Đầu tư xây dựng các nhà máy nước liên tỉnh và mạng lưới đường ống chuyên tải nước sạch vùng liên tỉnh. Đầu tư các nhà máy thu gom và xử lý chất thải rắn, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp. Chú trọng việc thu gom rác dưới sông, ven sông rạch trong nội ô các thành phố, thị xã, thị trấn trong Vùng. Tăng cường công tác quản lý, khai thác sử dụng hợp lý gắn với bảo vệ, giữ gìn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm đa dạng sinh học và hệ sinh thái nhạy cảm tại các vùng đất ngập nước ven biển Cà Mau và Kiên Giang. Xây dựng, nghiên cứu các giải pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu gây ra. Xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt,

nước ngầm trong toàn Vùng để kiểm tra, giám sát độ ô nhiễm, độ nhiễm mặn của nguồn nước. Nghiên cứu, cảnh cáo và đề xuất giải pháp phòng chống thiên tai tại những khu vực có nguy cơ sạt lở cao dọc các tuyến sông, kênh, rạch. Lồng ghép các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong tất cả các hoạt động về chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong Vùng. Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng các tuyến ven biên giới, đầu tư xây dựng các công trình lưỡng dụng kết hợp phát triển kinh tế với củng cố an ninh quốc phòng. Xây dựng các công trình bến cảng cá, nhất là ở các đảo tiền tiêu để phục vụ cho khai thác xa bờ, phòng

chống bão, bảo vệ an ninh, quốc phòng.

Quy hoạch này đề ra các giải pháp thực hiện, và nêu rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan, trong đó, Bộ Xây dựng chủ trì lập quy hoạch, kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, nghĩa trang, hệ thống cấp nước quy mô vùng, phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, từng bước giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 249/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025**

Ngày 13/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 249/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 với tính chất: Là đô thị hạt nhân vùng Tây Nguyên, có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn Vùng, là trung tâm giáo dục đào tạo, y tế, dịch vụ, thể dục thể thao cấp vùng, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đắk Lắk, là đầu mối giao thông liên vùng, tạo điều kiện phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa Tây Nguyên với các vùng trong cả nước và quốc tế. Mục tiêu là xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

Theo Điều chỉnh Quy hoạch này, về cấu trúc của đô thị, đô thị Buôn Ma Thuột được điều chỉnh quy hoạch dựa trên cấu trúc đô thị hiện hữu đã được định hướng trong Quy hoạch chung được duyệt. Điều chỉnh đô thị chủ yếu phát triển dọc theo hướng Đông Bắc và Tây

Nam. Cấu trúc đô thị gồm 2 vùng: Vùng phát triển đô thị và vùng vành đai xanh. Vùng phát triển đô thị có tổng diện tích 10.897 ha, bao gồm: Các khu vực đô thị hiện hữu, các dự án đô thị đã và đang triển khai, các đô thị mới theo quy hoạch và các loại đất khác. Vùng vành đai xanh bao quanh thành phố 26.821 ha, bao gồm: Vùng sản xuất, chuyên canh cây công nghiệp với công nghệ cao, vùng tái tạo và trồng mới rừng, các lâm viên, các công viên lớn của đô thị, các khu dân cư nông thôn và các chức năng khác ngoài đô thị.

Về định hướng phát triển không gian đối với các khu đô thị hiện hữu, các giải pháp quy hoạch là cải tạo chỉnh trang, hạn chế phát triển mới, hạn chế việc chuyển đổi chức năng đất; nâng cấp các công trình công cộng; cải tạo các khu ở và hệ thống công trình hạ tầng xã hội đô thị đạt chuẩn đô thị loại I; nâng cấp và cải tạo môi trường các khu phố cũ, đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trong đó ưu tiên phát triển hệ thống thoát nước và thu gom chất

thải rắn. Tổng diện tích đất xây dựng đô thị trong các khu hiện hữu khoảng 5.727 ha với dân số khống chế ở mức khoảng 68.000 - 70.000 người. Mật độ xây dựng trung bình khoảng từ 35 - 45%. Đối với các khu đô thị đang được cải tạo và đầu tư xây dựng mở rộng, tập trung nâng cấp, cải tạo các khu ở hiện hữu và hoàn thiện các dự án mở rộng phát triển đô thị tại các phường Tân An, Tân Lợi, Tân Lập... Các giải pháp quy hoạch tập trung vào: Nâng cấp cải tạo các khu trung tâm hành chính, văn hóa, thương mại, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của thành phố, tỉnh và cấp vùng theo quy hoạch; đầu tư các khu ở đô thị theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã phê duyệt; đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, trong đó ưu tiên phát triển giao thông công cộng, hệ thống thoát nước và thu gom chất thải rắn; bổ sung và hoàn thiện hệ thống cây xanh công viên; nâng cấp và cải tạo môi trường, chuyển đổi chức năng hoặc di dời các khu vực sản xuất công nghiệp làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường đô thị; cải tạo cảnh quan các dòng suối và các khu vực hành lang dọc suối; phát triển và giữ gìn sắc thái truyền thống của các buôn làng. Tổng diện tích đất xây dựng khu vực khoảng 3.850 ha với quy mô dân số khoảng 300.000 người và mật độ xây dựng khoảng 35 - 45%.

Đối với các khu đô thị mới, phát triển 4 khu đô thị mới gắn với các chức năng chuyên ngành, bao gồm: Đô thị mới phía Đông Bắc quy mô khoảng 488 ha, hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp với kiến trúc truyền thống, hình thành đô thị cửa ngõ; đô thị sân bay quy mô khoảng 82 ha là khu đô thị hỗ trợ cho các khu vực dịch vụ thương mại kho vận, trung chuyển; đô thị văn hóa - thương mại - y tế quy mô 325 ha nằm phía Nam trục đường Đông - Tây, bố trí các cụm công trình thương mại hiện đại, kết hợp với các dịch vụ nghỉ dưỡng; đô thị đại học quy mô 182 ha, bao gồm các trung tâm đào tạo trung học, cao đẳng dạy nghề, đại học, các viện

nghiên cứu kết hợp với hệ thống công viên cây xanh, trung tâm dịch vụ công cộng và các khu ở đô thị phục vụ cho người dân, giáo viên và sinh viên... Tổng diện tích đất xây dựng khu vực khoảng 1.077 ha với quy mô dân số khoảng 38.000 - 40.000 người và mật độ xây dựng khoảng từ 30 - 40%.

Dự trữ quỹ đất cho khoảng từ 300 - 550 ha khu vực phía Bắc sân bay cho việc hình thành các chức năng như: Dịch vụ hậu cần trung chuyển, công nghiệp công nghệ cao gắn với nghiên cứu sinh học và công nghệ chế biến nông lâm sản và đất phát triển đô thị trong tương lai.

Về giải pháp thiết kế đô thị, đối với các khu vực đô thị hiện hữu hạn chế phát triển (là khu vực ưu tiên cho các giải pháp cải tạo chỉnh trang đô thị), tại các tuyến đường trục chính, ưu tiên phát triển các công trình kiến trúc hiện đại mang bản sắc kiến trúc Tây Nguyên. Có thể phát triển cao tầng tại một số không gian công cộng có khoảng mở lớn (các quảng trường). Tại các khu dân cư thương mại hiện hữu hạn chế phát triển cao tầng, khống chế chiều cao tối đa cho các khu dân cư khoảng 5 tầng. Trong các khu dân cư, tập trung vào các giải pháp cải tạo kiến trúc mặt đứng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị. Đối với các khu đô thị mới, phát triển đô thị có hệ thống hạ tầng đồng bộ, kiến trúc theo hình thức hiện đại, cao tầng tại một số khu vực trung tâm, quảng trường đan xen với một số khu vực có kiến trúc truyền thống. Phát triển cao tầng trong các khu đô thị đảm bảo an toàn bay theo các quy định hiện hành. Không gian ngầm của đô thị được bố trí tại các khu trung tâm, các công trình dịch vụ thương mại cao tầng và các điểm đầu mối giao thông dọc theo các trục giao thông chính đô thị. Ưu tiên phát triển các không gian ngầm dọc tuyến quốc lộ 14 đoạn qua đô thị và trục Đông Tây. Giữ nguyên cao độ nền hiện trạng các khu vực đã xây dựng ổn định trong nội thị thành phố. Giữ nguyên cao độ hiện trạng, chỉ san nền cục bộ



khu vực dự kiến xây dựng mới theo quy hoạch có độ dốc nền (i) nhỏ hơn hoặc bằng 10%. Khu vực dự kiến xây dựng mới, có độ dốc nền  $i > 10\%$ . Thiết kế cao độ nền bám sát cao độ nền tự nhiên, với giải pháp san nền giạt cấp, cân bằng đào đắp.

Về hệ thống thoát nước mặt, tại khu vực nội thị, xây dựng hệ thống thoát nước riêng biệt hoàn toàn cho nước mưa và nước thải; tại khu vực ngoại thị, giai đoạn đầu xây dựng hệ thống thoát nước chung, giai đoạn dài hạn xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Cải tạo các hồ hiện có trong thành phố và phát triển thêm các hồ mới với mục tiêu trữ nước, điều hòa và tạo cảnh quan. Về nguồn nước, giai đoạn đầu 2015 - 2020 sử dụng nguồn nước ngầm là chủ yếu. Giai đoạn sau năm 2025 chuyển sang sử dụng nước mặt sông Sêrêpôk. Nhà máy nước được xây dựng tại xã Ea Na, huyện Krông Ana với

công suất giai đoạn 2015 là 35.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, giai đoạn 2025 là 148.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Về thoát nước thải, hệ thống thoát nước thải nội thị chia thành 5 lưu vực và công suất trạm xử lý lần lượt được nâng lên thành 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, 32.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm, 11.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 18.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tổng lượng chất thải rắn phải thu gom xử lý đến năm 2025 là 600 tấn/ngày. Bãi chôn lấp chất thải rắn hiện nay (quy mô 60 ha) và chôn lấp tự nhiên xây dựng thành khu chôn lấp hợp vệ sinh. Xây dựng bãi chôn lấp xử lý chất thải quy mô 100 ha tại xã Hòa Phú (phía Nam khu công nghiệp).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

**Thông tư số 02/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở**

Ngày 12/02/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BXD quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Theo Thông tư này, thời điểm bàn giao, đưa vào sử dụng được xác định như sau: Đối với công trình sử dụng vốn nhà nước là ngày chủ

đầu tư ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng hoặc ngày chủ đầu tư ký biên bản bàn giao công trình cho chủ quản lý, chủ sử dụng công trình. Đối với công trình sử dụng vốn khác là ngày công trình, hạng mục công trình được đưa vào sử dụng. Đối với dự án có nhiều công trình, hạng mục công trình thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính đối với từng công trình, hạng mục công trình.

Về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công

trình xây dựng vi phạm, Thông tư này hướng dẫn: Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP có trách nhiệm lập biên bản như sau: Hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì lập biên bản theo Mẫu biên bản số 01, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì lập biên bản theo Mẫu biên bản số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 17, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm theo Phụ lục II, Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 180/2007/NĐ-CP. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (trừ trường hợp vụ việc phức tạp theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính), người có thẩm quyền xử phạt hành chính có trách nhiệm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Hết thời hạn quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo Mẫu quyết định số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, đồng thời thông báo cho Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 1 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy

phép xây dựng của UBND cấp huyện hoặc Sở Xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt gửi hồ sơ đến Chủ tịch UBND cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP thì xử lý như sau: Người có thẩm quyền lập biên bản theo Mẫu biên bản số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và chuyển ngay đến Chủ tịch UBND cấp xã nơi có công trình vi phạm. Trong thời hạn 5 ngày (đối với công trình không phải lập phương án phá dỡ), 12 ngày (đối với công trình phải lập phương án phá dỡ) kể từ ngày lập biên bản mà chủ đầu tư không hoàn thành việc phá dỡ công trình vi phạm thì Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ trừ trường hợp quy định dưới đây. Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND cấp huyện hoặc Sở Xây dựng, người có thẩm quyền lập biên bản theo Mẫu biên bản số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày lập biên bản, UBND cấp xã nơi có công trình vi phạm phải chuyển hồ sơ lên Chủ tịch UBND cấp huyện. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm, chuyển cho Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thực hiện. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định mà Chủ tịch UBND cấp xã không ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ thì Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 7 ngày kể từ khi hết thời hạn quy định mà Chủ tịch UBND cấp huyện không ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ thì Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Hành vi vi phạm tại các khu vực ngoài đô thị, thì trong

các mẫu quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm bỏ chữ “Đô thị”.

Cũng theo Thông tư này, tổ chức, cá nhân có hành vi tổ chức thi công xây dựng vi phạm quy định về xây dựng gây lún, nứt, hư hỏng công trình lân cận (bao gồm cả công trình hạ tầng kỹ thuật), có nguy cơ làm sụp đổ hoặc gây sụp đổ công trình lân cận thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 13, Khoản 2, Khoản 5 Điều 27 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP, đồng thời bị ngừng thi công xây dựng để bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục sau: Sau khi biên bản vi phạm hành chính được lập, nếu bên vi phạm và bên bị thiệt hại không tự thỏa thuận được và một bên có đơn yêu cầu thì Chủ tịch UBND cấp xã chủ trì việc thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại giữa bên vi phạm và bên bị thiệt hại. Hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày thỏa thuận lần đầu không thành hoặc bên bị thiệt hại vắng mặt tại buổi thỏa thuận lần đầu mà không có lý do chính đáng, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thỏa thuận lần hai. Tại buổi thỏa thuận lần hai mà bên bị thiệt hại tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng thì bên vi phạm được tiếp tục thi công xây dựng sau khi chuyển khoản tiền tương đương mức thiệt hại gây ra vào tài khoản bảo lãnh tại ngân hàng. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định mức tiền bảo lãnh căn cứ vào yêu cầu của bên bị thiệt hại, có xem xét đến đề nghị, giải trình của bên vi phạm.

Về xử phạt hành vi xây dựng sai thiết kế quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 15 và Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP, Thông tư này hướng dẫn: Hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 15 áp dụng đối với xây dựng công trình không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình và thuộc trường hợp phải làm thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng. Hành vi quy định tại Khoản 7 Điều 16 áp dụng đối với xây dựng công trình phải lập dự án đầu tư xây dựng

công trình và thuộc trường hợp phải làm thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng.

Hành vi xây dựng sai phép quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP được hiểu là xây dựng sai một trong các nội dung của giấy phép xây dựng và các bản vẽ thiết kế được cơ quan cấp giấy phép xây dựng đóng dấu kèm theo giấy phép xây dựng được cấp. Việc xây dựng nhà ở riêng lẻ thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không coi là hành vi xây dựng sai phép: Thay đổi thiết kế bên trong công trình mà không ảnh hưởng đến việc phòng cháy chữa cháy; môi trường; công năng sử dụng; kết cấu chịu lực chính hoặc kiến trúc mặt ngoài công trình; giảm số tầng so với giấy phép xây dựng đối với những khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 hoặc thiết kế đô thị đã được phê duyệt.

Về xác định giá trị phần xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được duyệt, sai quy hoạch hoặc sai thiết kế đô thị được duyệt quy định tại Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP, đối với công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc công trình xây dựng khác trừ nhà ở riêng lẻ, trường hợp xây dựng công trình nhằm mục đích kinh doanh được tính bằng số m<sup>2</sup> sàn xây dựng vi phạm nhân với giá tiền 1 m<sup>2</sup> theo hợp đồng đã ký, trường hợp xây dựng công trình không nhằm mục đích kinh doanh được tính bằng số m<sup>2</sup> sàn xây dựng vi phạm nhân với giá tiền 1 m<sup>2</sup> theo dự toán được duyệt. Đối với nhà ở riêng lẻ được tính bằng số m<sup>2</sup> xây dựng vi phạm nhân với giá tiền 1 m<sup>2</sup> xây dựng tại thời điểm vi phạm cộng với số m<sup>2</sup> đất xây dựng vi phạm nhân với giá tiền 1 m<sup>2</sup> đất do UBND cấp tỉnh ban hành hằng năm, trong đó giá trị đất được xác định theo nguyên tắc sau: Tầng 1 tính bằng 100% giá tiền 1 m<sup>2</sup> đất tại vị trí đó nhân với số m<sup>2</sup> đất xây dựng vi phạm; từ tầng 2 trở lên tính bằng 50% giá tiền 1 m<sup>2</sup> đất tại tầng 1 nhân với số m<sup>2</sup>

đất xây dựng vi phạm.

Hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Khoản 8 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP được áp dụng như sau: Tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng từ 3 tháng đến 6 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP; tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP.

Đối với hành vi vi phạm hành chính được phát hiện, lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế phá dỡ trước ngày Nghị định số 121/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa thi hành và còn trong thời hạn thi hành thì tiếp tục thi hành trừ trường hợp hành vi xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được phê duyệt, sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị được duyệt mà đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế phá dỡ theo quy định tại Nghị định số 23/2009/NĐ-CP nhưng chưa thực hiện, nếu xét thấy việc xây dựng không vi phạm chỉ giới xây dựng, không ảnh hưởng công trình lân cận, không có tranh chấp, xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp và trong quy hoạch đất này được

phép xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xem xét, quyết định hủy quyết định cưỡng chế phá dỡ hoặc ban hành quyết định áp dụng bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi số lợi bất hợp pháp có được bằng 40% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép đối với công trình là nhà ở riêng lẻ và bằng 50% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được phê duyệt, sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị được duyệt đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định số 121/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mới bị phát hiện (mà còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính) hoặc phát hiện trước đó nhưng chưa ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và còn thời hạn ban hành quyết định xử phạt, nếu áp dụng Nghị định số 121/2013/NĐ-CP có lợi cho tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm đó thì áp dụng Nghị định số 121/2013/NĐ-CP.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/4/2014.

(Xem toàn văn tại [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Ngày 22/01/2014, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy

phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật và của UBND tỉnh về quản lý chất lượng công trình xây dựng; thanh

tra, kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và thanh tra, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng; thẩm tra thiết kế xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định; công bố trên trang thông tin điện tử Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng về thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng (bao gồm các sai phạm bị xử lý) trên địa bàn theo quy định của pháp luật và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng. Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất về năng lực hoạt động thực tế của tổ chức, cá nhân để bổ sung thêm năng lực hoặc loại khỏi danh sách những đơn vị không bảo đảm theo đăng ký. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu kinh tế. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chỉ định tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng trên địa bàn, báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh về sự cố công trình xây dựng. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trên địa bàn.

Về thẩm tra thiết kế công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng, Quy định này quy định: Đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát, thiết kế; kiểm tra điều kiện năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế; sự phù hợp của thiết kế đối với các quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình; mức độ đảm bảo an toàn chịu

lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác, bao gồm: Sự phù hợp của giải pháp thiết kế nền - móng với đặc điểm địa chất công trình, kết cấu công trình và an toàn đối với các công trình lân cận, sự phù hợp của giải pháp kết cấu với thiết kế công trình, với kết quả khảo sát xây dựng và với công năng của công trình. Đối với các công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp tác công - tư (PPP) và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, kiểm tra như trên và kiểm tra sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt; sự hợp lý của thiết kế để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình (kiểm tra việc áp dụng đơn giá, định mức của dự toán, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng).

Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn trực tiếp thẩm tra thiết kế thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm tổng hợp, lập thông báo kết quả thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư 13/2013/TT-BXD và đóng dấu vào các bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra. Trong kết quả thẩm tra cần nêu rõ những nội dung chưa đạt yêu cầu cần phải sửa đổi để trình thẩm tra lại (nếu có) trước khi cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ thẩm tra đóng dấu thẩm tra vào hồ sơ để lưu trữ. Chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo kết quả thẩm tra và ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi quyết định phê duyệt thiết kế. Đối với các công



trình sửa chữa, cải tạo nếu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình và có các nội dung thay đổi nêu trên thì phải thực hiện theo quy định của Thông tư 13/2013/TT-BXD. Thiết kế xây dựng công trình khi điều chỉnh thiết kế do thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu chính của kết cấu chịu lực chính, biện pháp tổ chức thi công làm ảnh hưởng tới an toàn chịu lực của công trình thì phải tổ chức thẩm tra, thẩm định và phê duyệt lại thiết kế hạng mục thay đổi hoặc toàn bộ công trình (nếu thay đổi làm ảnh hưởng đến an toàn công trình) theo các quy định tại Quy định này và pháp luật có liên quan.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra công trình, bao gồm: Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra tại một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình. Số lần kiểm tra phụ thuộc vào quy mô và tính chất kỹ thuật của công trình nhưng tối đa không quá 4 lần đối với công trình cấp đặc biệt, không quá 3 lần đối với công trình cấp I và không quá 2 lần đối với các công trình còn lại, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trong các trường hợp khác do chủ đầu tư đề nghị. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tiến hành kiểm tra công trình lần cuối sau khi nhận được báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 10/2013/TT-BXD. Nội dung kiểm tra

phải được lập thành biên bản, tập trung vào sự tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn của công trình, đảm bảo công năng và an toàn vận hành của công trình theo thiết kế, cụ thể: Kiểm tra hiện trạng các bộ phận công trình bằng trực quan và kiểm tra các số liệu quan trắc, đo đạc; kiểm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình trên cơ sở kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng được lập theo quy định; kiểm tra sự tuân thủ các quy định khác của pháp luật về xây dựng có liên quan. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan chuyên môn về xây dựng có thể yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu giải trình, làm rõ về các nội dung kiểm tra hoặc chỉ định tổ chức tư vấn thực hiện việc kiểm định các bộ phận, hạng mục công trình có biểu hiện không đảm bảo chất lượng hoặc thiếu cơ sở đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu của thiết kế.

Quy định này nêu rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng như chủ đầu tư xây dựng công trình; nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình; nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng; nhà thầu thi công xây dựng; các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc người quản lý sử dụng công trình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.hatinh.gov.vn](http://www.hatinh.gov.vn))

**Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND  
tỉnh Hà Nam ban hành “Quy định phối hợp quản lý  
Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng  
trên địa bàn tỉnh Hà Nam”**

Ngày 23/01/2014, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ban hành “Quy định phối hợp quản lý Nhà nước

về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Quy định này quy định chi tiết nội dung phối

hợp quản lý Nhà nước về chất lượng xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo các quy định của Chính phủ, của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng công trình, áp dụng đối với các loại công trình được đầu tư xây dựng bằng mọi nguồn vốn.

Theo Quy định này, đối với các công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách Nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức BT, BOT, BTO, PPP và nguồn vốn hỗn hợp khác, Chủ đầu tư phải gửi hồ sơ trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, dự toán đối với công trình thực hiện thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế 1 bước, 2 bước và các thiết kế khác (nếu có) triển khai sau thiết kế cơ sở theo phân cấp của UBND tỉnh. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng công trình là cơ quan thực hiện thẩm định thiết kế đối với công trình xây dựng có cấp cao nhất của dự án. Đối với các công trình có quy mô lớn, có yếu tố công nghệ mới, kỹ thuật phức tạp hoặc khi chủ đầu tư có yêu cầu thì báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm định từng hạng mục công trình trong quá trình thiết kế. Trường hợp Cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện để thẩm định thiết kế thì được thuê hoặc chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện thẩm tra một phần hoặc toàn bộ thiết kế công trình khi được cấp quyết định đầu tư đồng ý về chủ trương, nhưng cơ quan chuyên môn vẫn phải chịu trách nhiệm chung về kết quả thẩm định. Nội dung thẩm định thiết kế công trình xây dựng đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước bao gồm: Kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát, thiết kế, kiểm tra điều kiện năng lực của chủ nhiệm khảo

sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế; sự phù hợp của thiết kế với quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình; mức độ đảm bảo an toàn chịu lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác, kể cả an toàn đối với các công trình lân cận. Các công trình xây dựng chuyên ngành do các Sở quản lý chuyên ngành trực tiếp làm chủ đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm tham gia ý kiến về sự phù hợp của thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công cùng với Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình đối với trường hợp thực hiện thiết kế 1 bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trong trường hợp thiết kế 2 bước) hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở.

Cũng theo Quy định này, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư do mình quản lý từ khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và nghiệm thu, bảo hành công trình. Trường hợp Chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực theo quy định, thuê tổ chức Tư vấn có đủ năng lực thực hiện các công việc liên quan đến quá trình đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, đặc biệt đối với công tác quản lý chất lượng tại công trường, công tác nghiệm thu (cấu kiện, giai đoạn, hoàn thành) và việc đưa ra quyết định đình chỉ thi công trong những trường hợp cần thiết. Tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng. Trường hợp tự thực hiện thiết kế, thi công xây dựng công trình thì Chủ đầu tư thành lập bộ phận quản lý chất lượng công trình độc lập với bộ phận thiết kế, thi công xây dựng công trình để quản lý chất lượng công trình.

Nhiệm vụ khảo sát do đơn vị thiết kế lập hoặc đơn vị khảo sát tự lập, được Chủ đầu tư phê duyệt phải phù hợp với quy mô, các bước

thiết kế, tính chất công trình, điều kiện tự nhiên của khu vực xây dựng, đặc biệt khảo sát phải đủ, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, tránh lãng phí. Công việc khảo sát phải phù hợp nhiệm vụ đã phê duyệt, trong báo cáo phải kiến nghị về việc xử lý nền móng công trình xây dựng. Việc khảo sát không được xâm hại về môi trường, phải phục hồi lại hiện trạng ban đầu của hiện trường, theo những nội dung phục hồi đã ghi trong hợp đồng. Việc khảo sát không được xâm hại mạng lưới kỹ thuật công trình công cộng và những công trình xây dựng khác trong phạm vi địa điểm khảo sát.

Đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về những quy định pháp lý đã nêu trong hợp đồng, đặc biệt là chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện: Phải sử dụng cán bộ có đủ năng lực cho mỗi công việc thực hiện theo quy định; phải có hệ thống quản lý chất lượng để kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế của đơn vị; phải bồi thường thiệt hại do sản phẩm tư vấn của mình gây ra; phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định; không được chỉ định sử dụng các loại vật liệu hay vật tư kỹ thuật của một nơi sản xuất, cung ứng nào đó, mà chỉ được nêu yêu cầu chung về tính năng kỹ thuật của vật liệu hay vật tư kỹ thuật. Đảm bảo sản phẩm được thực hiện theo đúng nội dung các bước thiết kế đã quy định, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được áp dụng và nhiệm vụ thiết kế, hợp đồng giao nhận thầu thiết kế với Chủ đầu tư. Đồ án thiết kế chỉ được thực hiện khi Chủ nhiệm đồ án thiết kế và các chủ trì thiết kế có đủ năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng. Tổ chức tư vấn phải có hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thiết kế để kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế, phải thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp theo quy định, không được giao thầu lại toàn bộ hợp đồng hoặc phần chính của nội dung hợp đồng cho một tổ chức tư vấn thiết kế khác.

Đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng

phải có bộ phận chuyên trách đảm bảo duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công xây dựng công trình, từ khi khởi công đến nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Phải phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của giám sát trưởng, các giám sát viên chuyên trách cho từng công việc và thông báo công khai tại công trường và đảm bảo việc giám sát được thường xuyên, liên tục. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của dự án, lập đề cương, kế hoạch và biện pháp thực hiện giám sát. Thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo yêu cầu của hợp đồng, đề cương đã được chủ đầu tư phê duyệt và các quy định về quản lý chất lượng công trình, gồm: Kiểm tra các điều kiện khởi công, điều kiện về năng lực các nhà thầu, thiết bị thi công so với hồ sơ dự thầu, kiểm tra phòng thí nghiệm của nhà thầu, những cơ sở sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng (khi cần thiết), kiểm tra chứng chỉ xuất xưởng, chứng chỉ chất lượng vật liệu, cấu kiện và thiết bị trước khi sử dụng vào công trình; kiểm tra chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn, môi trường của công trình, hạng mục công trình; nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện.

Nhà thầu thi công xây dựng phải đảm bảo tốt các điều kiện về chất lượng, an toàn, vệ sinh môi trường cho công trình đang thi công, những công trình xung quanh và khu vực lân cận. Chỉ được phép nhận thầu thi công những công trình phù hợp với năng lực của mình, thi công đúng thiết kế được duyệt, áp dụng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được quy định và chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên về chất lượng công trình của Chủ đầu tư, tổ chức thiết kế, tư vấn giám sát và cơ quan Nhà nước theo phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng. Để đảm bảo chất lượng thi công xây dựng công trình, phải lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó cần có bộ phận giám sát chất lượng của nhà thầu, lập và ghi chép đầy đủ, đúng quy định

nhật ký thi công, chỉ được phép thay đổi nguồn vật liệu, bổ sung khối lượng khi được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản; báo cáo đầy đủ quy trình tự kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, tổ chức nghiệm thu nội bộ trước khi mời đại diện Chủ đầu tư nghiệm thu; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu để Chủ đầu tư và đơn vị giám sát, tổ chức nghiệm thu; đảm

bảo an toàn trong thi công xây dựng cho người, thiết bị và những công trình lân cận, kể cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.hanam.gov.vn](http://www.hanam.gov.vn))**

## **Nghiệm thu tiêu chuẩn: Sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) - Phần I: Giới thiệu và phân loại (MS: TC 37-13)**

Ngày 21/02/2014, tại Hà Nội, Hội đồng Khoa học Kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu tiêu chuẩn: “Sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) - Phần I: Giới thiệu và phân loại” do KS. Trần Thị Minh Hải - Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ nhiệm.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, KS. Trần Thị Minh Hải đã báo cáo tóm tắt kết quả tiêu chuẩn. Theo nội dung báo cáo, tiêu chuẩn này hoàn toàn được chuyển dịch từ tiêu chuẩn ISO 1927-1:2012, bố cục nội dung tiêu chuẩn gồm 7 phần: Phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, thuật ngữ và định nghĩa, loại sản phẩm và phương pháp thi công, loại thành phần hóa học, phân loại, tên gọi vật liệu chịu lửa toàn khối (không định hình). Nội dung chính của tiêu chuẩn là quy định rõ sự kiểm soát sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) với độ chính xác tối đa cho phép và các công đoạn: kiểm soát chất lượng; kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm cung cấp so với các tính chất được yêu cầu; kiểm soát sự đồng nhất của các lô sản xuất và kiểm soát xây lót.

Sản phẩm và phương pháp thi công được đề cập trong tiêu chuẩn gồm: Hỗn hợp bê tông chịu lửa, vật liệu chịu lửa để phun bắn, vật liệu chịu lửa đầm, vật liệu chịu lửa gắn kết và các sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) khác.

Đối với các sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) khác bao gồm: Hỗn hợp khô, hỗn hợp để bơm ép, chất phủ và hỗn hợp bịt kín lỗ tháo lò cao. Trong đó, hỗn hợp khô là loại vật liệu được thiết kế đặc biệt để thi công ở trạng thái khô bằng phương pháp đầm rung, rung ép hoặc đầm nén. Quá trình thi công hỗn hợp khô đạt đến độ chặt cực đại và cho phép tháo khuôn đầm trước hoặc sau khi gia nhiệt. Vật liệu này có thể bao gồm chất liên kết tạm thời



*ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu tại buổi họp*

nhưng sau khi nung tạo thành liên kết gốm; Đối với hỗn hợp để bơm ép, loại vật liệu được chế tạo đặc biệt để bơm ép bằng máy bơm với áp lực từ 10 bar đến 20 bar. Hỗn hợp để bơm ép có thể cung cấp dưới dạng trộn sẵn hoặc cần phải trộn lại; Đối với Hỗn hợp gồm cốt liệu chịu lửa mịn và chất liên kết được sử dụng với hàm lượng nước hoặc chất lỏng khác cao hơn so với vật liệu thi công bằng cách gắn kết. Liên kết cơ bản có thể là liên kết gốm, liên kết thủy hóa, liên kết hóa học hoặc liên kết hữu cơ. Hỗn hợp được thi công bằng phương pháp thủ công (với chổi lăn hoặc bay), bắn bằng khí nén hoặc cơ học, hoặc bằng phun; Đối với hỗn hợp bịt kín lỗ tháo lò cao, là loại vật liệu được cung cấp để sử dụng ngay, có tính dẻo cao và được chế tạo từ cốt liệu chịu lửa, chất liên kết và chất lỏng. Sau khi nung vật liệu này chứa liên kết chính là liên kết cacbon.

Về cách phân loại, sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) được phân loại theo 3 tiêu chí: loại sản phẩm và phương pháp thi công; nguyên liệu chính; nhiệt độ sử dụng. Đối với cách phân loại theo nguyên liệu chính, sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) được phân loại theo nguyên liệu chính khi hàm lượng



của nó lớn hơn hoặc bằng 50% hoặc phân loại theo các nguyên liệu chính khi hàm lượng của mỗi nguyên liệu chính nhỏ hơn 50%. Đối với cách phân loại theo nhiệt độ sử dụng, sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) được phân loại theo nhiệt độ sử dụng quy định. Chỉ tiêu là độ co nở phụ sau khi nung. Phân loại được áp dụng cho tất cả các sản phẩm chịu lửa toàn khối (không định hình) có thể chế tạo mẫu thử.

Các thành viên trong Hội đồng đều đánh giá cao nội dung của tiêu chuẩn. Tuy nhiên, do tiêu chuẩn được chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nên khó tránh khỏi những sai sót về mặt sử dụng thuật ngữ chuyên ngành, nhóm biên soạn cần chỉnh sửa và thống nhất cách dùng từ để người đọc dễ hiểu hơn. Ngoài

ra, nhóm biên soạn cần sửa lại phần “Lời nói đầu” theo đúng quy định.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng, Vụ KHCN & MT, đây là tiêu chuẩn mà Việt Nam đang rất cần và đánh giá cao sự nỗ lực và cố gắng của nhóm biên soạn. Chủ tịch cũng yêu cầu nhóm biên soạn sửa đổi một số từ ngữ mà các thành viên trong Hội đồng đã góp ý. Về phía Vụ KHCN, sẽ đề nghị với Bộ để Viện Vật liệu xây dựng có thể biên soạn các phần tiếp theo trong bộ tiêu chuẩn, để tiêu chuẩn được đồng bộ. Với kết quả đạt được, tiêu chuẩn đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại xuất sắc.

Bích Ngọc

## Nghiệm thu 04 Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam

Ngày 20/02/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu 04 Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “TCVN...:2013 Hào kỹ thuật bê tông cốt thép (BTCT) thành mỏng đúc sẵn”; “TCVN...:2013 Bể tự hoại BTCT đúc sẵn”; “TCVN...:2014 Mương BTCT thành mỏng đúc sẵn”; và “TCVN...:2014 Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn” do Hội Công nghiệp bê tông Việt Nam chủ trì biên soạn. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Trong buổi họp, đại diện các nhóm tác giả đã lần lượt báo cáo về lý do và sự cần thiết, phạm vi ứng dụng cũng như các phương pháp xây dựng Dự thảo tiêu chuẩn. Báo cáo về “TCVN...:2013 Bể tự hoại BTCT đúc sẵn”, nhóm tác giả cho biết: Bể tự hoại là bộ phận chính của nhà tiêu tự hoại, với hình thức phổ biến nhất là bể hình hộp xây bằng gạch hoặc BTCT có 1 hoặc 2 ngăn; trong đó bể tự hoại đúc sẵn bằng bê tông thành mỏng có kết cấu gọn nhẹ, dễ lắp đặt, kể cả những nơi có nước ngầm. Qua thực tế sử dụng, loại bể này đã



TS. Nguyễn Trung Hòa phát biểu tại cuộc họp Hội đồng nghiệm thu

chứng tỏ hiệu quả kinh tế - kỹ thuật trong việc thu gom và xử lý nước thải. Tuy chưa có tiêu chuẩn quốc gia, bể tự hoại vẫn được ứng dụng tại nhiều địa phương trong cả nước. Để đảm bảo quản lý chất lượng loại sản phẩm này, cần biên soạn một bộ tiêu chuẩn thống nhất. Trên cơ sở tham khảo các tài liệu tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, phối hợp cùng cơ quan chuyên môn các địa phương như Hà Nội, Vũng Tàu, Thái Bình..., nhóm tác giả đã hoàn thành bộ dự thảo tiêu chuẩn gồm 2 phần - bể tự hoại BTCT đúc sẵn dùng cho nhà vệ sinh đô thị và nhà tiêu nông thôn. Dự thảo đã đề ra các yêu cầu kỹ

thuật và mức chỉ tiêu tương ứng, xây dựng các phương pháp thử để xác định chỉ tiêu kỹ thuật của bể tự hoại BTCT đúc sẵn. Đặc biệt, nước thải sinh hoạt có nhiều tạp chất hữu cơ và các tác nhân gây ăn mòn bê tông khác như axit,  $H_2S$ ,  $Cl^-$ ,  $SO_4^{2-}$ ... Hơn nữa, bể tự hoại được chôn ngầm dưới đất nên phải sử dụng xi măng có khả năng chống xâm thực để chống lại tác động của nước ngầm. Dự thảo tiêu chuẩn đã đưa ra quy định phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay là sử dụng xi măng pooc lăng bền sulfat và xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sulfat. Nhóm tác giả cũng đi sâu nghiên cứu và đề xuất mở rộng cho phép dùng các loại xi măng khác, với điều kiện bắt buộc là có khả năng chống xâm thực. Để đảm bảo bê tông có khả năng chống thấm tốt, Dự thảo cũng đưa ra những yêu cầu cụ thể đối với cấp phối, tỷ lệ nước/ xi măng, thép làm cốt... Trong quá trình nghiên cứu biên soạn, nhóm tác giả đã bám sát các điều kiện vệ sinh theo QCVN 01:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh), và theo đúng định hướng đồng bộ hóa nhóm tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng hệ thống thoát nước và môi trường đô thị - nông thôn Việt Nam.

Về Dự thảo “TCVN...:2014 Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn”, nhóm tác giả cho biết: Không như các quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam chưa có tiêu chuẩn riêng về hố ga BTCT (gồm hố thu nước mưa, giếng thăm, và gần đây áp dụng thêm hố ngăn mùi được lắp đặt phía sau hố thu). Tại hầu hết các đô thị của Việt Nam từ trước tới nay, hố thu được sử dụng là hố dạng hàm ếch, chảy thẳng vào cống chung. Về mùa khô, mùi hôi từ miệng cống bốc lên sẽ gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh. Để ngăn mùi hôi thoát ra từ cống, giải pháp được chọn là bố trí thêm hố ngăn mùi phía sau hố thu. Còn giếng thăm là hố đầu nối cống thoát nước tại những vị trí có các nhánh nối, đổi hướng, thay đổi độ dốc, thay đổi tiết diện và trên những đoạn thẳng theo yêu cầu thiết kế nhằm kiểm

tra, theo dõi chế độ nước chảy và bảo dưỡng vệ sinh. Cả hố thu, hố ngăn mùi và giếng thăm được chế tạo sẵn bằng BTCT thành mỏng, rất thuận tiện cho việc lắp đặt mới cũng như cải tạo hệ thu nước mưa cũ, lắp hệ thống thoát nước hợp lý. Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ trong những năm gần đây đòi hỏi Việt Nam cần có một bộ tiêu chuẩn về hố ga phù hợp, góp phần cải thiện diện mạo các đô thị, nâng cao chất lượng sống của cư dân. Căn cứ vào thực tế sản xuất các sản phẩm bê tông thành mỏng đúc sẵn tại một số tỉnh thành trong cả nước, kết hợp tham khảo các tài liệu tiêu chuẩn trong và ngoài nước, nhóm tác giả đã xây dựng thành công bộ tiêu chuẩn với hai phần - tiêu chuẩn cho hố thu nước mưa và hố ngăn mùi, và tiêu chuẩn cho giếng thăm hình hộp - hai loại sản phẩm ứng dụng nhiều trong các công trình thoát nước đô thị. Trong Dự thảo, nhóm tác giả cũng dày công nghiên cứu và đề xuất những yêu cầu chặt chẽ về mặt kỹ thuật, đảm bảo khả năng chống ăn mòn (các quy định về nguyên vật liệu, cường độ và độ chống thấm của bê tông, độ sụt, độ cứng của bê tông, cốt thép...).

Trình bày về Dự thảo “TCVN ...:2013 Hào kỹ thuật BTCT thành mỏng đúc sẵn”, nhóm tác giả nêu rõ: Việc sử dụng hào kỹ thuật, tuy nên kỹ thuật là giải pháp tối ưu nhằm khắc phục tình trạng đào bới vỉa hè lòng đường phục vụ lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạn chế trong công tác ngầm hóa đường dây điện, thông tin liên lạc, tạo diện mạo đẹp cho các đô thị, giảm thiểu tai nạn giao thông. So với cống, bể và tuy nèn kỹ thuật, hào kỹ thuật thể hiện nhiều ưu điểm vượt trội trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành, sửa chữa và bảo trì. Dạng sản phẩm này chưa có tiêu chuẩn chung ở cấp quốc gia, tuy đã được sản xuất và sử dụng rộng rãi tại nhiều đô thị trên cả nước. Việc xây dựng TCVN Hào kỹ thuật là rất cần thiết, đáp ứng thực tế phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị của Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở khảo sát tình hình sản xuất, sử dụng sản phẩm tại các công

trình đã xây dựng trong các đô thị, kết hợp tham khảo các tài liệu tiêu chuẩn liên quan trong và ngoài nước, nhóm tác giả đã tiến hành phân tích, so sánh lựa chọn và đề xuất Dự thảo tiêu chuẩn phù hợp cho sản phẩm. Dự thảo có những yêu cầu cụ thể về vật liệu (do sản phẩm được lắp đặt ngầm dưới mặt đường/ vỉa hè, thường chịu các tác động xâm thực của môi trường thổ nhưỡng đa dạng nên cần sử dụng loại xi măng đảm bảo độ bền chống xâm thực của các kết cấu bê tông); kích thước và sai lệch kích thước cho phép của hào; các yêu cầu ngoại quan và khuyết tật cho phép; yêu cầu về khả năng chống thấm nước và khả năng chịu tải của hào.

Theo trình bày của nhóm tác giả, Dự thảo “TCVN...:2013 Mương BTCT thành mỏng đúc sẵn” được biên soạn trên cơ sở soát xét tiêu chuẩn “TCVN 6394:1998 Cấu kiện bê tông vữa mỏng có lưới thép” được ban hành từ năm 1998. Để đáp ứng nhu cầu tiêu chuẩn hóa các sản phẩm mương BTCT đúc sẵn trong cả nước, để thống nhất chỉ tiêu, kiểu dáng cơ bản, tạo thuận lợi cho công tác thiết kế, thi công, quản lý chất lượng công trình xây dựng trong cả nước, cần xây dựng một tiêu chuẩn mới. Dựa trên TCVN 6394:1998, kết hợp tham khảo các tài liệu liên quan trong và ngoài nước như tiêu chuẩn JC/T 2003 - 2009 (Trung Quốc) Mương bê tông đúc sẵn cho tưới tiêu và thoát nước; TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép...

nhóm tác giả đã biên soạn Dự thảo tiêu chuẩn mới, thay đổi một số nội dung và bổ sung một số quy định mới (điều chỉnh lại độ sai lệch kích thước; nới rộng quy định về độ dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép bên trong và bên ngoài...).

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao nỗ lực của nhóm tác giả trong việc nghiên cứu soạn thảo các Dự thảo tiêu chuẩn và cũng nhất trí với bố cục mạch lạc, chặt chẽ của các Dự thảo. Tuy nhiên, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến về thuật ngữ, văn phong và thảo luận bổ sung hoặc rút gọn một số nội dung để các tiêu chuẩn phù hợp hơn, dễ hiểu đối với người đọc và dễ ứng dụng vào thực tế. Hội đồng tin tưởng với tính thực tiễn cao, các Dự thảo tiêu chuẩn sẽ nhanh chóng được ban hành, góp phần hiện thực hóa chương trình phát triển đô thị Quốc gia và chương trình xây dựng nông thôn mới mà Chính phủ đã đề ra.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa, Chủ tịch Hội đồng nhất trí với ý kiến của toàn thể Hội đồng, lưu ý các nhóm tác giả nghiên cứu hoàn thiện các Dự thảo theo ý kiến Hội đồng trước tháng 4/2014, để Bộ Xây dựng có cơ sở trình Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thẩm định, và trình Bộ Khoa học & Công nghệ ban hành trong thời gian sớm nhất. Bốn Dự thảo tiêu chuẩn đều được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lê Minh

## **Nghiệm thu đề tài Biên dịch tiêu chuẩn “Xây dựng công trình trong vùng động đất”**

Ngày 24/02/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài Biên dịch tiêu chuẩn “Xây dựng công trình trong vùng động đất” (Seismic building design code) do Hội Kết cấu và Công nghệ xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm biên soạn đề tài, GS.TSKH Nguyễn Văn Liên - Chủ nhiệm đề tài đã trình bày tóm tắt sự cần thiết, nội dung và cơ sở biên soạn tiêu chuẩn biên dịch “Xây dựng công trình trong vùng động đất”. Một thời gian dài ở Việt Nam, tuy chưa được chuyển dịch nhưng Tiêu chuẩn thiết kế chống động đất của Liên Xô (cũ) đã được áp dụng rộng rãi khi thiết kế các công

trình có yêu cầu chống động đất. Từ khi hội nhập, các nhà đầu tư, tư vấn nước ngoài đã sử dụng các tiêu chuẩn quen thuộc của phương tây như ASSHTO, ACI, ASCE, UBC của Mỹ, Eurocode của Châu Âu khi tham gia xây dựng các công trình ở nước ta. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn thiết kế chống động đất của phương Tây chưa hoàn toàn tương thích với hệ thống Tiêu chuẩn thiết kế của Việt Nam, do hệ thống tiêu chuẩn này của Việt Nam chủ yếu dựa theo các tiêu chuẩn của Nga. Để đáp ứng được thực tế xây dựng ngày nay, việc nghiên cứu ban hành Tiêu chuẩn thiết kế chống động đất theo Tiêu chuẩn mới nhất của Nga CII 14.13330.2011 là cần thiết. So với các phiên bản Tiêu chuẩn cũ, Tiêu chuẩn mới này có nhiều thay đổi đáng kể, thể hiện tính hội nhập với quốc tế và cập nhật những điểm mới trong tính toán, cấu tạo kết cấu công trình chống động đất.

Cấu trúc của Tiêu chuẩn cơ bản như tài liệu gốc gồm 9 phần chính và chỉ thay đổi các phụ lục. Cụ thể 9 phần chính là: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ và định nghĩa; Quy định chung; Tải trọng tính toán; Nhà và công trình (nhà ở, công cộng và công nghiệp); Công trình giao thông; Công trình thủy công; Các giải pháp chống cháy. Ba phụ lục gồm có: Phụ lục A (quy định) về Bảng phân vùng động đất theo địa danh hành chính; Phụ lục B (tham khảo) về Các thang động đất; Phụ lục C (quy định) về Bản đồ phân vùng cấp chấn động và PGA lãnh thổ Việt Nam.

Sự khác biệt so với các phiên bản Tiêu chuẩn cũ là việc sử dụng tổ hợp 03 bản đồ phân vùng động đất (bản đồ A, B và C) trong Tiêu chuẩn này cho phép đánh giá chính xác hơn tác động động đất của khu vực xây dựng (các phiên bản Tiêu chuẩn cũ chỉ sử dụng một trong ba bản đồ phân vùng trên). Thay đổi này xuất phát từ đặc điểm của Thang phân chia động đất theo cấp MSK - 64, mỗi cấp có thể tương đương với một khoảng giá trị gia tốc nhất định. Ví dụ: Nếu theo tiêu chuẩn mới thì tải



TS. Nguyễn Trung Hòa phát biểu kết luận cuộc họp

trọng động đất tác dụng lên cùng một công trình phổ thông xây dựng tại Ba Đình sẽ lớn hơn tại Cái Răng 40%, dù cùng là động đất cấp 7, còn theo Tiêu chuẩn cũ thì không có khác biệt. Đây là một cải tiến quan trọng, đưa phương pháp tính toán chống động đất theo cấp của Nga tiệm cận với phương pháp sử dụng đỉnh gia tốc nền của thế giới.

Tiêu chuẩn mới còn bổ sung yêu cầu thiết kế chống động đất theo hai mức là động đất thiết kế và động đất cực đại. Tiêu chuẩn mới cũng bổ sung bảng hướng dẫn phân loại công trình theo tầm quan trọng và có hệ số tầm quan trọng tương ứng. Đây là một điểm mới trong phiên bản này, thừa nhận một quan điểm thiết kế trong các Tiêu chuẩn thiết kế chống động đất phổ biến trên thế giới: Công trình quan trọng hơn thì phải được thiết kế chống động đất an toàn hơn. Ngoài ra, Tiêu chuẩn có “các giải pháp chống cháy”, thay đổi, sửa chữa, bổ sung các phần về nhà và công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông và công trình thủy công.

Nội dung chính của Tiêu chuẩn này áp dụng trong lĩnh vực thiết kế nhà và công trình xây dựng trong vùng động đất cấp 7, cấp 8 và cấp 9. Trên những khu đất xây dựng có cấp động đất vượt quá cấp 9, thông thường không cho phép xây dựng nhà và công trình. Khi cần thiết, việc xây dựng trên những khu đất này chỉ được phép tiến hành khi có kết quả nghiên cứu riêng



và có sự tham gia của tổ chức nghiên cứu khoa học chuyên ngành. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về tính toán có kể đến tải trọng động đất, về các giải pháp quy hoạch không gian, về cấu tạo và liên kết các cấu kiện của nhà và công trình để bảo đảm khả năng chịu động đất của chúng. Như vậy, Tiêu chuẩn thiết kế chống động đất mới đã có những thay đổi quan trọng, thể hiện xu hướng hội nhập với hệ thống Tiêu chuẩn quốc tế và cập nhật những quan điểm thiết kế, phương pháp tính toán, những giải pháp kỹ thuật mới nhằm tăng cường khả năng thiết kế chống động đất của nhà và công trình.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cấp thiết của đề tài, nhất trí Tiêu chuẩn mới rất tương thích với hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam, dễ áp dụng, nội dung biên dịch phù hợp, dễ hiểu. Tuy nhiên, để

Tiêu chuẩn được hoàn thiện, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến về lỗi soạn thảo, một số lỗi nhỏ trong biên dịch, việc sử dụng màu cho bản đồ phân vùng, các chỉ số thông số, bổ sung tiếng Anh cho các thuật ngữ và định nghĩa, chú thích ký hiệu công thức...

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đồng thời lưu ý thêm nhóm tác giả về một số vấn đề như việc chú thích của tài liệu viện dẫn, việc viết tắt trong đề tài, ký hiệu vật liệu, nên loại bỏ các câu từ liên quan đến pháp luật của Nga và cần có thêm thuyết minh giải trình các ý kiến góp ý... để hoàn thiện báo cáo đề tài.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Kim Nhuận

## Đánh giá độ bền vững của xi măng pooc lăng đá vôi PLC ở Mỹ

PLC hiện nay đang được sử dụng trên toàn thế giới và tiêu chuẩn xi măng châu Âu BS EN 197. 1 Thành phần, phân loại và các chỉ tiêu sử dụng chung đã được ban hành.

Mặc dù tên gọi PLC có sự thay đổi, nhưng thành phần của chúng chủ yếu vẫn gồm đá vôi nghiền mịn thay thế cho một phần clinker xi măng pooc lăng. Lượng clinker được thay thế là trên 5% và có thể lên cao tới 35%. Một ưu điểm chính của xi măng PLC so với xi măng pooc lăng PC đó là giảm được phát thải CO<sub>2</sub> do giảm được lượng dùng clinker, như vậy góp phần tạo ra bê tông kinh tế và bền sinh thái.

Nghiên cứu trong những năm gần đây ở Mỹ và châu Âu cho thấy rằng cường độ và các tính năng của xi măng PLC tương đương với xi măng pooc lăng PC với cùng tỷ lệ nước/ chất kết dính.

### Phản ứng kiểm silic ASR

Phần lớn xi măng sử dụng các chất thay thế

clinker đều được đánh giá khả năng chịu tác động của phản ứng kiểm silic ASR. So sánh khả năng chịu phản ứng ASR, tức là độ nở của các mẫu bê tông xi măng PLC với các loại xi măng hỗn hợp khác như xi măng xỉ lò cao, xi măng tro bay cho thấy khả năng chịu tác động kiểm silic của xi măng PLC cũng tương đương ở nhiệt độ bình thường cũng như ở khi ngâm trong nước 38<sup>0</sup>C.

### Độ bền sulfat

Thử độ bền sulfat của PLC cũng giống như thử các loại xi măng hỗn hợp như xi măng xỉ, xi măng tro bay. Thử độ bền sulfat trong dung dịch 5% Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> theo tiêu chuẩn ASTM C1012/C1012M. Độ nở của các mẫu không quá 0,10% khi ngâm trong dung dịch trên trong 18 tháng. Xi măng PLC có độ bền tương đương xi măng xỉ và xi măng tro bay.

### Khả năng chịu đóng băng tan băng

Thử chịu đóng băng tan băng theo chu trình



theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM C666/C666M. Các mẫu bê tông có tỷ lệ X/Chất kết dính bằng 0,74, 0,80 và 0,90. Các mẫu bê tông xi măng PC, xi măng PLC và xi măng phụ gia thay thế SCM. Thử sau 300 chu trình đóng băng tan băng cho kết luận như sau: Các mẫu bị hao tổn khối lượng sau 300 chu trình thử đóng băng tan băng, sự tổn thất khối lượng tăng lên khi tỷ lệ N/Chất kết dính tăng lên, các loại chất kết dính không ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chịu đóng băng tan băng của bê tông. Nghĩa là bê tông xi măng PLC cũng tương đương bê tông các chất kết dính hỗn hợp khác.

### **Khả năng cacbonat hóa**

Các mẫu bê tông xi măng PC, PLC và SMC đều đúc với tỷ lệ N/Chất kết dính bằng 0,45 và 0,55. Các mẫu lăng trụ 75 x 75 x 300 mm bảo

dưỡng ẩm trong 1, 3 và 7 ngày, sau đó lưu giữ trong không khí có độ ẩm tương đối bằng 55% và nhiệt độ 21<sup>0</sup>C.

Độ sâu cacbonat hóa đã được xác định trên các mẫu lăng trụ theo định kỳ sau 2 năm bảo dưỡng trong không khí. Đối với các loại mẫu khác nhau đều có độ sâu cacbonat hóa tăng lên khi tỷ lệ nước/ chất kết dính tăng và có giá trị tương đương đối với tất cả các loại chất kết dính như PLC, SMC.

**Michael D.A, Thomas Anik Delagrave,  
Bruce Blair và Laurent Barcelo**

*Nguồn: Tạp chí Concrete International Mỹ  
N12/2013*

**ND: Đinh Bá Lô**

## **Cục sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Mỹ (OSHA) sửa đổi những quy định về các vật liệu độc hại**

OSHA thuộc Bộ Lao động Mỹ bắt đầu sửa đổi tiêu chuẩn quy định về các vật liệu độc hại nhằm hòa nhập với Hệ thống Đồng bộ Toàn cầu GHS. Việc cập nhật với GHS sẽ tạo điều kiện tiến tới việc phân loại các hóa chất và phổ biến thông tin về sự nguy hiểm và an toàn đối với từng nhãn hiệu và các bảng số liệu hóa chất tới người lao động.

Bà Hilda Solis, Bộ trưởng Bộ Lao động Mỹ, nói rằng các hóa chất độc hại là mối đe dọa lớn nhất đối với những công nhân Mỹ hiện nay. Vì vậy, việc sửa đổi những tiêu chuẩn về sự đe dọa của các vật liệu độc hại của OSHA sẽ cải thiện chất lượng và nội dung thông tin về các chất độc hại, tạo điều kiện an toàn hơn đối với người lao động, khiến cho công việc của họ trở nên dễ thực hiện hơn và giảm bớt mối lo cho các chủ lao động trong môi trường cạnh tranh.

Việc sửa đổi các tiêu chuẩn khiến các thông tin về sự an toàn của các nơi làm việc có chất lượng và độ tin cậy hơn, giúp cho công nhân dễ hiểu và dễ tiếp thu hơn trong sử dụng an toàn

các hóa chất độc hại. Việc sửa đổi này cũng giúp giảm bớt các rào cản thương mại đối với kinh doanh các hóa chất độc hại ở Mỹ.

### **Hệ thống Đồng bộ Toàn cầu GHS**

GHS là sự tiếp cận quốc tế đối với thông tin về sự nguy hiểm của các chất độc hại, nhằm thống nhất các tiêu chuẩn phân loại các chất độc hại và các bảng số liệu qui định về an toàn. GHS đã được thống nhất trong quá trình làm việc nhiều năm của các chuyên gia quốc tế từ nhiều nước khác nhau, từ nhiều tổ chức quốc tế và các tập đoàn kinh doanh lớn trên thế giới. Nó cũng dựa trên các hệ thống hiện có trên khắp thế giới và các hệ thống phân loại và nhãn mác hóa chất thuộc các tổ chức của Mỹ.

Kết quả của quá trình thống nhất này được thể hiện trong tài liệu của Liên Hợp quốc có tên là Hệ thống Đồng bộ Toàn cầu phân loại và ký hiệu nhãn mác các hóa chất nói chung viết tắt là GHS. Tài liệu này cung cấp các chỉ tiêu đồng bộ để phân loại các hóa chất nhằm đảm bảo sức khỏe và sự an toàn đối với môi trường. Các

tổ chức như OSHA dựa theo những qui định trong tài liệu này để soạn thảo các tiêu chuẩn yêu cầu tuyên truyền phổ biến thông tin về sự nguy hiểm của các hóa chất và việc phòng ngừa chúng đối với công nhân lao động và người sử dụng.

## **OSHA Bộ Lao động Mỹ tiếp cận với hệ thống GHS**

Để tiếp cận cập nhật hệ thống GHS của Liên Hợp quốc, OSHA sẽ sửa đổi Tiêu chuẩn thông tin về độc hại HCS nhằm tăng cường sự an toàn và sức khỏe của các công nhân thông qua các hệ thống thông tin tuyên truyền rộng

rãi hơn về sự nguy hại của các hóa chất. Kể từ năm 1983, ở Mỹ lần đầu tiên HCS đã được tuyên truyền phổ biến tới các doanh nghiệp và những người lao động về các hóa chất tại những nơi làm việc của họ.

Kể từ ngày 01/12/2013, HCS được sửa đổi cho phù hợp với các điều khoản của GHS của Liên Hợp quốc và sẽ hoàn thành vào ngày 01/6/2015.

*Nguồn: Tạp chí Concrete International Mỹ  
N12/2013*

**ND: Đinh Bá Lô**

## **Triển vọng xây dựng xanh tại Ucraina**

Trên thế giới hiện nay, những công trình xanh không còn là điều hiếm gặp. Đã nhiều năm nay, công nghệ xanh được ứng dụng rộng rãi tại các nước châu Âu. Ucraina mới đi những bước đầu tiên trên con đường này. Bài báo này tổng kết những nét đặc thù của xây dựng xanh; sự phát triển công nghệ xanh của Ucraina trong mối tương quan với các nước trong khu vực và trên thế giới, cũng như triển vọng của các ngôi nhà xanh tại quốc gia này.

### **Ý nghĩa của xây dựng xanh**

Theo nhiều chuyên gia, xây dựng xanh được xác định bởi hiệu quả sử dụng năng lượng của mỗi công trình hay tòa nhà. Ảnh hưởng của tòa nhà/ công trình tới môi trường xung quanh; sự bảo tồn cảnh quan thiên nhiên cũng là một trong 12 tiêu chí đánh giá một công trình xanh tại Ucraina. Tiết kiệm năng lượng; chất lượng vùng tiểu khí hậu cũng như vị trí công trình nhằm giảm chi phí năng lượng và thiết lập không gian ôn hòa; giảm thiểu khí độc phát thải trong quá trình xây dựng và khai thác công trình; duy trì tính đa dạng thiên nhiên (các chiến lược bảo vệ hệ thống sinh thái và các dạng động thực vật khác nhau) cũng là những tiêu chí đánh giá công trình xanh. Như vậy, trong xây dựng xanh, thay vì những diện tích đất mới,

những diện tích công nghiệp bị bỏ hoang sẽ được tận dụng thích đáng. Bên cạnh đó, xây dựng xanh tại Ucraina đòi hỏi việc tổ chức thi thiết kế; đòi hỏi những nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp, những bản thiết kế có chất lượng phù hợp với các diện tích đất xây dựng. Cần tổ chức quản lý xây dựng; chú trọng tới việc bảo vệ thiên nhiên và môi trường xung quanh. Khi đánh giá một công trình có đạt tiêu chuẩn công trình xanh hay không, một số tiêu chí như khoảng cách tới bến, bãi của các phương tiện giao thông công cộng; sự ứng dụng các chiến lược giao thông “xanh” vào không gian công trình (xe đạp, ô tô điện, xe buýt chạy bằng diesel sinh học...); khả năng bố trí nhằm tránh sự giao thoa của các dòng ô tô và người đi bộ; đường giao thông thuận tiện; có khu vực đi bộ... cũng là những tiêu chí để đánh giá công trình xanh. Một tiêu chí rất quan trọng là vật liệu xây dựng được sử dụng để xây dựng công trình. Vật liệu cần sạch về mặt sinh thái; đặc biệt ưu tiên cho những loại vật liệu sản xuất tại chỗ, vật liệu tái chế và tái sử dụng.

### **Thực tế của Ucraina**

Tại Ucraina, các tòa nhà/ công trình được xây dựng theo công nghệ xanh tuy đã xuất hiện, song ở thời điểm hiện tại, đó mới chỉ là

những dự án độc lập. Kiến trúc sư Tachiana Ernst là tác giả của một ngôi nhà thụ động tại thủ đô Kiev - dự án đầu tiên của Ucraina được đưa vào danh sách những ngôi nhà thụ động trên thế giới. Một số công trình xanh nổi tiếng khác của Ucraina bao gồm khách sạn Kovcheg - công trình tiết kiệm năng lượng với hệ thống năng lượng tự động (năng lượng gió và mặt trời), các dự án nhà sinh thái tư nhân tại làng sinh thái Radishevski - ngoại ô Thủ đô Kiev. Xây dựng xanh tại Ucraina chưa được phát triển rộng rãi, tương thích cùng tiềm năng phát triển năng lượng tái chế tại quốc gia này. Tuy vậy, xu hướng xây dựng xanh đã bắt đầu được quan tâm. Xây dựng xanh tư nhân có hai khuynh hướng rõ ràng - phân khúc nhà cao cấp ứng dụng tất cả các công nghệ xanh và các nguồn năng lượng tái sinh, và phân khúc nhà xã hội siêu rẻ. Cả hai phân khúc này đều chiếm tỷ lệ còn khiêm tốn trong tổng khối lượng xây dựng tư nhân của Ucraina. Nhiều chuyên gia cho rằng, những công trình xanh trong tương lai của Ucraina sẽ là những công trình công cộng (dịch vụ - thương mại - giải trí; văn phòng). Trong lĩnh vực xây dựng xanh không được cấp chứng nhận (không chính quy), khuynh hướng chủ đạo là sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm và ứng dụng vật liệu xây dựng sinh thái. Theo ông A. Popov - Kiến trúc sư trưởng Văn phòng Kiến trúc sư thành phố Kiev - đối với mỗi loại hình bất động sản, cần áp dụng những công nghệ xanh thích hợp miễn sao đó là những công nghệ tích cực và được áp dụng tại những nơi không có các nguồn năng lượng truyền thống. Ông A. Popov cho rằng: Trong tương lai gần tại Ucraina, công nghệ xanh sẽ được ứng dụng rộng rãi trong việc xây các biệt thự, các chung cư cao tầng và tòa nhà văn phòng.

### Những con số “xanh”

Xây công trình xanh có chi phí cao hơn so với các công trình thông thường. Bù lại, chi phí năng lượng trong thời gian khai thác công trình sẽ được tiết kiệm đáng kể. Ông A. Popov nhận

định: Hiện nay, đa số các công trình xanh được xây dựng đều có chi phí cao hơn những công trình thông thường từ 5 - 6%. Thời gian hoàn vốn đầu tư lâu hơn, nhưng trong quá trình khai thác công trình đó, sự chênh lệch giá này sẽ được bồi hoàn trong vòng gần 4 năm, nếu nhu cầu tiêu thụ điện giảm đi 25% và nước giảm đi 30%. Việc xây dựng công trình theo nguyên tắc xây dựng bền vững có thể giảm nhẹ một nửa chi phí bảo đảm toàn bộ vòng đời công trình. Ông đưa ra số liệu cụ thể: Chi phí xây dựng thường chỉ bằng 20 - 30% tổng số vốn cần thiết để khai thác công trình. Số còn lại được chi trả cho nhà cung cấp năng lượng; cho các công việc sửa chữa, thu dọn rác; và tính vào chi phí cho tình trạng kết cấu xây dựng. Bên cạnh đó, bình quân chi phí xây dựng công trình xanh chỉ cao hơn từ 10 - 20% so với chi phí xây dựng công trình thông thường. Xét về chi phí chung cho vòng đời công trình, sự chênh lệch này chỉ ở mức 2 - 4%; trong khi có thể tiết kiệm tới 50% chi phí khai thác công trình đó. “Vấn đề là ở chỗ không phải các vật liệu xây dựng mới và công nghệ mới mà chính thiết kế mới là yếu tố bảo đảm sự tiết kiệm này”, ông A. Popov nêu ý kiến. Trên thế giới hiện nay, các nhà xây dựng đang nỗ lực biến bất động sản, không chỉ các công trình xây mới, thành những công trình xanh. Cách đây không lâu, việc tái thiết tòa nhà chọc trời nổi tiếng Empire State Building xuất hiện cách nay 80 năm đã hoàn tất. Trong tòa nhà này, chi phí cho tất cả các nguồn năng lượng đã được tối ưu hóa; các hợp đồng cung cấp năng lượng gió được ký kết, và tòa nhà dường như được tái sinh lần nữa đúng tính chất một tòa nhà sinh thái.

### Những triển vọng nào cho xây dựng xanh tại Ucraina?

Đại diện cho các kiến trúc sư và các nhà xây dựng thủ đô Kiev - ông A. Popov cho rằng: Sự tham gia của Nhà nước có thể thúc đẩy xây dựng xanh phát triển. Nhà nước có thể tham gia bằng cách ngăn cấm hoặc hạn chế sử dụng

các vật liệu xây dựng độc hại, hoặc thông qua việc khuyến khích các nhà xây dựng ứng dụng công nghệ xanh. Những hoạt động này không nhất thiết phải thực hiện ở cấp Nghị viện hoặc Văn phòng Bộ trưởng. Các sáng kiến có thể do Bộ Y tế, Bộ Các tình trạng khẩn cấp, các cơ quan thị chính đề xuất. Nhưng ngay cả khi Nhà nước không tham gia vào quá trình này, thì các nhà xây dựng vẫn có xu hướng tham gia thị trường xây dựng xanh, từ đó nảy sinh sự cạnh tranh. “Tất cả các công trình mang tính thương mại đều dành cho mục đích cạnh tranh trên thị trường, và cần có công nghệ xanh”, ông A.Popov khẳng định. Để xanh hóa ngành Xây dựng, Ucraina rất cần các tiêu chuẩn cơ sở - tức là cần có các điều luật về công trình sử dụng năng lượng hiệu quả, ví dụ như EPBD (Ennergy Perfomance of Building Directive) - quy định các yêu cầu đối với công trình sử dụng năng lượng hiệu quả. Hướng đi trên chặng đường

phát triển công nghệ xanh của Ucraina đã rõ ràng. Trong thời gian tới, Ucraina sẽ ra mắt Hội đồng Xây dựng xanh (UaGBC). Mục đích chính của Hội đồng là thống nhất các tổ chức và các nhà chuyên môn cổ xúy cho hoạt động xây dựng xanh. Trong các chiến lược phát triển được ưu tiên có: Ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế về xây dựng xanh tại Ucraina; bổ sung, sửa đổi các bộ luật của Ucraina nhằm phát triển xu hướng xanh trong lĩnh vực xây dựng; cấp chứng nhận cho các công trình theo các tiêu chuẩn xanh... Hội đồng sẽ thống nhất các công ty và doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân quan tâm tới vấn đề phát triển bền vững trong việc thực hiện các dự án bất động sản và xây dựng sinh thái.

**I.Vasilenko**

*Nguồn: Tạp chí Bất động sản Thủ đô (Ucraina) tháng 5/2013*

**ND: Lê Minh**

## Trung Quốc nỗ lực phát triển công trình xanh

Cùng với sự phát triển lớn mạnh của ngành Xây dựng Trung Quốc trong nhiều năm qua, Chính phủ luôn chú trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa ngành Xây dựng, trong đó đặc biệt quan tâm đến xây dựng và tăng trưởng xanh, khuyến khích xây dựng những công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả năng lượng. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thiết kế xây dựng xanh so với phát triển vận hành xanh đã bắt đầu xuất hiện nhiều vấn đề nổi cộm. Hiện nay, các cơ quan chức năng đã đưa ra những tiêu chí để đánh giá công trình xanh, nhằm định hướng đúng cho ngành công nghiệp xây dựng. Tuy nhiên, số lượng những dự án công trình xanh đưa vào sử dụng vẫn ít hơn nhiều so với số lượng dự án công trình xanh còn trên thiết kế.

Theo số liệu thống kê từ Bộ Nhà ở - Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, trong năm 2012 cả nước có 742 dự án được đánh giá là đạt tiêu chí công trình xanh, nhưng chỉ có 48

dự án thực tế vận hành sử dụng đạt tiêu chí công trình xanh. Viện Nghiên cứu khoa học xây dựng Trung Quốc đã đưa ra kết quả phân tích các dự án đạt tiêu chí công trình xanh trong năm 2013, và kết quả là có 518 dự án đạt tiêu chuẩn, tuy nhiên cũng chỉ có 50 dự án là đạt tiêu chuẩn vận hành sử dụng công trình xanh.

Cần phải hiểu, một công trình được đánh giá là công trình xanh khi tất cả các tiêu chí về tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, cacbon thấp, thiết kế, xây dựng, thi công, vận hành phải đạt tiêu chuẩn. Trong quá trình sử dụng, chỉ cần một chỉ số đánh giá không đạt so với thiết kế thì công trình ngay lập tức không được công nhận là “công trình xanh”.

Làm thế nào để các dự án không chỉ đạt tiêu chuẩn công trình xanh trên thiết kế mà khi đưa vào sử dụng trên thực tế vẫn đạt các tiêu chuẩn đã được đánh giá, đảm bảo tính tích cực của công tác xây dựng, đánh giá, thẩm tra, kiểm

định, đồng thời phát triển xây dựng xanh trở thành mục tiêu chiến lược của ngành Xây dựng trong tương lai. Đây cũng là vấn đề được Chính phủ Trung Quốc và các cơ quan chức năng có liên quan quan tâm.

Năm 2005, Bộ tiêu chuẩn đánh giá công trình xanh theo tiêu chuẩn 3 sao cấp quốc gia đã được đề xuất, và đến năm 2006 thì đưa vào thực hiện trên quy mô cả nước. Rất nhiều địa phương đã bắt đầu thực hiện xây dựng xanh theo tiêu chuẩn đã ban hành, chủ động triển khai các dự án xây dựng đạt cấp 1 sao, 2 sao, và tích cực mở rộng khuyến khích xây dựng các dự án đạt 3 sao cấp quốc gia. Đầu năm 2013, Quốc vụ viện chính thức ban hành văn bản chỉ đạo “Kế hoạch hành động xây dựng xanh”. Kể từ đó, cùng với Chiến lược quốc gia về tiết kiệm năng lượng và phòng chống ô nhiễm môi trường, xây dựng xanh bắt đầu được nâng lên một tầm cao mới, khởi động nhiều dự án mới có quy mô lớn, thúc đẩy số lượng công trình xanh tăng lên.

Theo số liệu báo cáo thống kê từ năm 2008 đến năm 2013 của Viện Nghiên cứu khoa học xây dựng Trung Quốc, tính đến cuối năm 2013, toàn quốc có 1.260 công trình được đánh giá đạt tiêu chuẩn công trình xanh, trong đó có 480 công trình đạt cấp 1 sao, 530 công trình đạt cấp 2 sao, 312 công trình đạt cấp 3 sao. Trong 6 năm từ năm 2008 đến 2013, số lượng dự án đạt tiêu chuẩn công trình xanh lần lượt là 10, 20, 82, 241, 389, 518. Điều đó cho thấy số lượng công trình xanh đang ngày càng tăng lên và xu hướng này sẽ ngày càng phát triển.

Rất nhiều chuyên gia trong ngành cho rằng cần nghiên cứu, phân tích sâu những vấn đề tồn tại trong phát triển xây dựng xanh để sớm tìm ra hướng giải quyết, đặc biệt là cho vấn đề mất cân đối trong thiết kế và sử dụng.

Trước khi được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, công trình xanh phải được thẩm tra, thẩm định, đánh giá rồi bàn giao cho nhà thầu, sau đó nhà thầu chuyển giao cho chủ đầu tư, rồi

mới đến người sử dụng. Tuy nhiên, qua nhiều cấp và nhiều lần kiểm tra, đánh giá, người sử dụng mới thực sự là đối tượng thụ hưởng và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những tiêu chuẩn của công trình xanh. Trong quá trình sử dụng mới phát sinh nhiều vấn đề, cả về thiết kế lẫn quản lý vận hành. Thậm chí người dân vẫn chưa thực sự hiểu rõ khái niệm công trình xanh là như thế nào, và họ được lợi gì khi sống trong một công trình xanh.

Việc phát triển xây dựng xanh là xu thế tất yếu trong tương lai của ngành Xây dựng. Chính phủ luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện về chính sách cũng như hỗ trợ để các doanh nghiệp và địa phương phát triển xây dựng công trình xanh. Các công trình được đánh giá là công trình xanh từ 1 sao đến 3 sao đều nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước. Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố đã căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mình để lên phương án hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi về chính sách đất đai, thuế để doanh nghiệp tích cực hoàn thành các dự án công trình xanh trong khu vực.

Theo quy định, trong quá trình nghiệm thu công trình, phải có tờ khai báo cáo về kết quả đánh giá các tiêu chí đạt công trình xanh, bao gồm: Mức tiêu hao điện năng, mức tiêu thụ nước, dữ liệu về môi trường và các yêu cầu về tiết kiệm năng lượng hiệu quả đều phải đạt chứng nhận ISO 14000.

Một số chuyên gia phân tích trong ngành Xây dựng cho rằng, trong giai đoạn sử dụng công trình, khó tránh khỏi phát sinh một số vấn đề. Chính vì vậy, các chủ đầu tư cần chú trọng hơn đến công tác quản lý sau khi bàn giao công trình, nắm rõ hoạt động của các thiết bị trong tòa nhà và có kế hoạch thường xuyên kiểm tra cũng như yêu cầu công ty cung cấp thiết bị định kỳ bảo trì, bảo dưỡng.

Hiện nay, các công ty của Trung Quốc chuyên sản xuất thiết bị và sản phẩm, nguyên vật liệu phục vụ cho lắp đặt, thi công công trình



xanh vẫn còn ít, trình độ khoa học kỹ thuật còn thấp kém, dẫn đến chất lượng sản phẩm chưa cao, so với các tiêu chí đặt ra còn có khoảng cách. Chính vì thế, phần lớn các thiết bị và sản phẩm đều phải nhập khẩu, đẩy giá thành lên cao. Do đó, trong tương lai, ngành công nghiệp xây dựng Trung Quốc cần hướng tới mục tiêu phát triển công nghiệp sản xuất hiện đại, phục vụ cho ngành Xây dựng trong và ngoài nước, tiến tới các sản phẩm sản xuất đều được dán mác là sản phẩm xanh, an toàn chất lượng.

Mặt khác, để thúc đẩy thị trường bất động sản xanh phát triển, cần phải thay đổi tâm lý và tư duy của người tiêu dùng, hướng người dân đến với môi trường sống sinh thái, thân thiện với tự nhiên, tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà. Chính phủ Trung Quốc cũng đang hướng tới mục tiêu là trong tương lai, tất cả các công trình xây dựng đều phải áp dụng tiêu chuẩn xây dựng xanh, nhằm hạn chế sự tiêu hao năng

lượng lớn trong xây dựng và ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng ở quốc gia này.

Thời gian qua, Chính phủ Trung Quốc cũng như chính quyền các địa phương đã ban hành những chính sách khuyến khích người dân mua nhà tại các dự án công trình xanh. Như ở tỉnh Hắc Long Giang, mỗi người mua nhà trong dự án đạt tiêu chuẩn công trình xanh được cho vay mua nhà với lãi suất ưu đãi. Tại Hạ Môn, người mua nhà đạt tiêu chuẩn công trình xanh 2 sao sẽ được chiết khấu 20% so với giá nhà, nếu là công trình xanh đạt 3 sao thì sẽ được chiết khấu tới 40%. Những chính sách này đã phần nào giúp ích cho việc tiêu thụ bất động sản xanh và thúc đẩy xây dựng xanh phát triển.

**Lưu Minh Minh**

*Nguồn: <http://www.chinajsbc.cn>*

**ND: Quỳnh Anh**

## **Đảng bộ Bộ Xây dựng họp tổng kết công tác Đảng năm 2013 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2014**

Ngày 14/02/2014, tại Hà Nội, Đảng Ủy Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Đảng năm 2013 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2014. Bí thư Đảng bộ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang điều hành và chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị còn có đồng chí Trần Hồng Hà - Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, cùng các đại biểu là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư đơn vị trực thuộc, đại diện Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Bộ Xây dựng và Bí thư Đoàn Thanh niên.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang nhận định trong năm 2013, cả nước nói chung và ngành Xây dựng nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn. Nhưng bằng sự nỗ lực, cố gắng của các tập thể, cán bộ công nhân viên chức, ngành Xây dựng đã đạt được những kết quả quan trọng, đóng góp vào thành công chung của cả nước, hoàn thành tốt các mục tiêu cơ bản như kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo tăng trưởng. Thứ trưởng khẳng định trong thành quả đó có đóng góp không nhỏ của các Đảng viên. Trong năm 2014, tình hình đất nước sẽ có những chuyển biến tích cực hơn, nhưng chắc chắn vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức chung. Mục tiêu đề ra trong năm 2014 của ngành Xây dựng là vẫn tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, đảm bảo tăng trưởng hợp lý và cao hơn năm 2013; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh chiến lược, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Tại Hội nghị, thay mặt cho Đảng ủy Bộ Xây dựng, đồng chí Nguyễn Hồng Khải - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng - đã đọc báo



*Đồng chí Trần Hồng Hà - Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương phát biểu chỉ đạo Hội nghị*

cáo tổng kết công tác Đảng năm 2013 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2014.

Theo Báo cáo, trong năm 2013, Bộ đã hoàn thiện dự án Luật Xây dựng (sửa đổi) và được Chính phủ thông qua, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6; tiếp tục nghiên cứu dự thảo Luật Quản lý phát triển đô thị; sửa đổi Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản; đã trình Chính phủ 10 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ 5 Quyết định, 9 Đề án. Bộ cũng đã ban hành theo thẩm quyền 21 Thông tư; đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với việc thực hiện Chiến lược nhà ở Quốc gia. Kịp thời ban hành 02 Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị quyết, đồng thời tập trung chỉ đạo các địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch để triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia.

Các đơn vị khối cơ quan đã tập trung nghiên cứu, soạn thảo và trình ban hành các văn bản QPPL theo tiến độ nhiệm vụ. Các Viện đã tích cực tham gia vào công tác phục vụ quản lý nhà nước của Bộ. Các doanh nghiệp tư vấn tập trung khắc phục khó khăn, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị, thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu, đảm bảo đời sống, thu nhập

của cán bộ, đảng viên và người lao động.

Đảng ủy Bộ Xây dựng đã tập trung bám sát các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2013 như: Thực hiện Nghị quyết 01-NQ/ĐUK và Kế hoạch số 62-KH/ĐUK của Đảng ủy Khối về “Năm nâng cao chất lượng chi bộ”; tiếp tục đẩy mạnh, triển khai việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xây dựng chuẩn mực đạo đức và thi hành đạo đức công vụ; tăng cường công tác kiểm tra; giám sát; triển khai các biện pháp khắc phục những khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI. Tuy nhiên, một số chi bộ chưa chú trọng tổ chức sinh hoạt chuyên đề, công tác giám sát chưa thực hiện thường xuyên, báo cáo chưa nghiêm túc; một số chi ủy chưa kịp thời chuyển sinh hoạt Đảng theo quy định đối với đảng viên chuyển công tác, nghỉ hưu...

Theo dự báo, kinh tế trong nước trong năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn, nguy cơ bất ổn kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn, diễn biến khó lường. Các cấp ủy cần phải phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức để thực hiện tốt các nhiệm vụ như: Tiếp tục tập trung hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực của ngành; tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, rà soát điều chỉnh bổ sung các quy hoạch vùng, quy hoạch chung trên phạm vi cả nước; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 15/2013/NĐ-CP, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong đầu tư xây dựng, nhất là những dự án sử dụng vốn Nhà nước, các công trình quy mô lớn, phức tạp có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng; tích cực triển khai Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án phát triển đô thị theo quy hoạch, kế hoạch; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; hoàn thành việc phê duyệt các chương trình nhà ở của các địa phương...

Tham gia góp ý cho báo cáo tổng kết, một



*Thứ trưởng Cao Lại Quang tặng giấy khen cho 21 tổ chức Đảng tiêu biểu trong 3 năm*

số ý kiến tập trung đến công tác học tập các Nghị quyết của Đảng cần phải đổi mới về cách thức truyền đạt thông tin cho Đảng viên, mở thêm lớp bồi dưỡng Đảng viên mới, tập trung vào nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp...

Cũng tại Hội nghị, Đảng ủy Bộ Xây dựng đã trao Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 4 đồng chí là: Đồng chí Cao Lại Quang, đồng chí Đào Minh Đức, đồng chí Nguyễn Huy Bích, đồng chí Trần Nguyên Chính đang sinh hoạt tại Đảng ủy Bộ Xây dựng; tặng giấy khen cho 21 tổ chức Đảng tiêu biểu 3 năm liền và 41 Đảng viên xuất sắc 3 năm liền 2011 - 2013.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Trần Hồng Hà - Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương cho rằng các loại hình tổ chức cơ sở Đảng Bộ Xây dựng trong thời gian qua đều phát huy năng lực rất tốt. Phó Bí thư vui mừng khi thấy nhiều đồng chí đạt Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng khi còn đang đương chức. Đồng chí Trần Hồng Hà nhấn mạnh, trong năm 2014 sẽ vẫn tiếp tục đẩy mạnh “Năm chi bộ” và sẽ tạo điều kiện giúp đỡ, quan tâm hơn các cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối. Nghị quyết dân vận của Đảng còn chưa được quan tâm đúng mức tại các Khối cơ quan Trung ương nên năm 2014 sẽ phát động chương trình “Năm dân vận”. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; triển khai công tác xây dựng

Đảng theo Nghị quyết 03 của Đảng ủy khối. Đồng chí cũng chỉ rõ, các Khối cơ quan Trung ương cần tập trung triển khai tốt 3 vấn đề là thường xuyên tổ chức chương trình “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; chủ động thông tin đối thoại, tổ chức tốt công tác chất vấn với cán bộ, công chức; chủ động, có biện pháp cụ thể phòng chống suy thoái trong đội ngũ Đảng viên...

Thay mặt cho lãnh đạo Bộ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã cảm ơn và tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đại biểu đại diện cho một số Chi bộ Đảng và đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương.

Thứ trưởng khẳng định: Đảng ủy Bộ Xây dựng sẽ đổi mới, quán triệt Nghị quyết của Đảng, bồi dưỡng các Bí thư Đoàn để đưa vào hàng ngũ của Đảng, quan tâm đến Luật Lao

động, có chính sách cho người lao động tốt hơn... Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 là hoàn thiện công tác xây dựng thể chế, hoàn thành các Luật, Thông tư đi kèm; làm tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng; tập trung công tác tái cơ cấu doanh nghiệp... Đảng ủy Bộ Xây dựng sẽ tập trung triển khai 4 nhiệm vụ trọng tâm nâng cao chất lượng chi bộ, nâng cao chất lượng cán bộ công chức Đảng viên để đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Triển khai công tác xây dựng Đảng theo Nghị quyết 01, Nghị quyết 02, Nghị quyết 03 của Đảng ủy Khối gắn với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI). Tăng cường đổi mới công tác dân vận trong “Năm dân vận”. Tạo điều kiện giúp đỡ Đoàn thanh niên để hoàn thành tốt công tác năm 2014.

Bích Ngọc

## Ban điều hành Đề án 1511 tổng kết công tác năm 2013

Ngày 19/02/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Ban điều hành Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” (Đề án 1511) đã họp tổng kết những kết quả đạt được trong công tác triển khai thực hiện Đề án năm 2013, đồng thời thông qua kế hoạch triển khai thực hiện Đề án năm 2014. Cuộc họp do Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị - Trưởng Ban điều hành Đề án chủ trì, với sự tham gia của các thành viên là đại diện các Bộ ngành TW, lãnh đạo một số Cục, Vụ chức năng Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo của ông Lê Quang Hùng, Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng - Cơ quan thường trực Ban điều hành - trong năm 2013, Đề án đã được triển khai đồng bộ, bám sát các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản được đề ra. Về nhiệm vụ nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, Cơ quan thường trực đã phối hợp cùng các ban ngành tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng việc áp dụng hệ thống định mức dự



Toàn cảnh cuộc họp

toán công tác thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, kết cấu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình xây dựng, làm cơ sở hoàn thiện hệ thống định mức cho các loại công tác này; điều tra, khảo sát tác động của siêu bão (cơn bão Haiyan trong năm 2013 là một ví dụ điển hình) tới nhà ở và công trình dân dụng, đề xuất các giải pháp kiểm định, đánh giá chất lượng nhằm gia cường khả năng chống bão cho các công trình dân dụng tại Việt Nam. Về nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, Cơ quan thường trực



đã chủ trì nghiên cứu xây dựng một số bộ tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; các tài liệu giảng dạy về kiểm định, đánh giá chất lượng và quan trắc các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Bên cạnh đó, Cơ quan thường trực cùng Ban Điều hành đã tích cực hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp cho tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng, với việc xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu, tổng hợp số liệu điều tra và thuê chuyên gia phân tích số liệu; tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề tại nhiều tỉnh thành trong cả nước; tiếp tục phát hành các bản tin “Thí nghiệm và kiểm định xây dựng”...

Theo báo cáo, bước sang năm 2014, Cơ quan thường trực sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, tập trung đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các Dự án sự nghiệp chuyển tiếp từ năm 2013; xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2014; trong đó những nhiệm vụ trọng tâm là triển khai mới các dự án sự nghiệp về vấn đề nghiên cứu và vận dụng kinh nghiệm quốc tế trong công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng; biên soạn Dự thảo thông tư quy định hoạt động kiểm định, giám định xây dựng; biên soạn các quy trình kỹ thuật, chú trọng nghiên cứu xây dựng quy trình kiểm định an toàn đập, và xây dựng quy trình hướng dẫn kỹ thuật công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Một số vấn đề liên quan như tình hình giải ngân kinh phí thực hiện Đề án năm 2013 cũng được Cơ quan thường

trực nêu ra và giải trình cụ thể.

Phát biểu trong cuộc họp, các thành viên Ban điều hành cơ bản nhất trí với báo cáo của Cơ quan thường trực. Một số vướng mắc về nguồn kinh phí, thời hạn thực hiện các nhiệm vụ đã được các thành viên Ban điều hành thảo luận, đề xuất những giải pháp thích hợp để đảm bảo kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo đúng lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đồng tình với ý kiến của các thành viên, Trưởng Ban điều hành - Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đánh giá cao các kết quả Đề án trong năm 2013. Thứ trưởng nhận định: Tuy còn một số nhiệm vụ phải chuyển tiếp sang năm 2014, một số nhiệm vụ cần điều chỉnh tiến độ cho phù hợp, song nỗ lực tháo gỡ những khó khăn chung đã thể hiện trách nhiệm và quyết tâm thực hiện thắng lợi Đề án của Cơ quan thường trực và Ban điều hành, của các cơ quan chuyên môn, các ban ngành Trung ương. Thứ trưởng lưu ý: Trong điều kiện nguồn vốn hạn hẹp, những nhiệm vụ nào cần ít vốn nên đẩy mạnh triển khai thực hiện trước. Bên cạnh đó, Cơ quan thường trực và Ban điều hành cần rà soát lại việc đầu tư; xác định thứ tự ưu tiên; và phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các cơ quan chuyên môn để thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra cho năm 2014, góp phần tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng của nước ta.

Lê Minh

## **Bộ Xây dựng phát động thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2014**

Ngày 21/02/2014 tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng thi đua khen thưởng cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ phát động thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ Xây dựng. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ

trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đến dự và phát biểu tại buổi Lễ.

Năm 2013 là năm tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, có những tác động lớn đến việc hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch của ngành Xây dựng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo, điều hành sâu sát và quyết liệt của





*Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu phát động thi đua*

lãnh đạo Bộ, sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên chức - lao động, ngành Xây dựng đã đạt được những kết quả quan trọng. Góp phần vào những thành tích chung của ngành Xây dựng có sự đóng góp đáng kể của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khối cơ quan Bộ Xây dựng. Các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, động viên toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nỗ lực vượt qua những khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các phong trào thi đua và các cuộc vận động đã được triển khai rộng, đa dạng về nội dung và hình thức, thực sự đã lôi cuốn được các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khối cơ quan Bộ tham gia, hưởng ứng, đem lại hiệu quả cao. Nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua đã được ghi nhận bằng những danh hiệu cao quý.

Thay mặt Hội đồng thi đua khen thưởng cơ quan Bộ Xây dựng, Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã phát động thi đua trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các đơn vị khối cơ quan Bộ Xây dựng năm 2014, với những nội dung cụ thể, bám sát mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014 đã được Quốc hội thông qua và Chương trình hành động của ngành Xây dựng năm 2014 thực hiện Nghị quyết số 01 của Chính phủ ban hành ngày 02/01/2014 về



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc*

những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014: Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của ngành, đặc biệt là trong các lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; Tập trung rà soát, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, gỡ tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản với việc đẩy mạnh thực hiện Chiến lược nhà ở quốc gia, đặc biệt là phát triển nhà ở xã hội; phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ và chất lượng nguồn nhân lực; tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng; mở rộng hoạt động đối ngoại và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Một số chỉ tiêu phấn đấu cụ thể của năm 2014 của ngành Xây dựng bao gồm: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 34,5%; diện tích bình quân nhà ở toàn quốc khoảng 20,4 m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó nhà ở đô thị 24,3 m<sup>2</sup> sàn/người, nhà ở nông thôn 18,5 m<sup>2</sup> sàn/người; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%, tỷ lệ quy hoạch nông thôn mới đạt 100%; tỷ lệ dân số đô

thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 79 - 80%, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt 84 - 84,5%, tổng sản lượng xi măng tiêu thụ 62 - 63 triệu tấn/năm. Giá trị sản xuất kinh doanh toàn ngành đạt khoảng trên 831.000 tỷ đồng, tăng khoảng 8% so với năm 2013.

Phát biểu tại Lễ phát động thi đua, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao những cố gắng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động toàn ngành Xây dựng nói chung và khối cơ quan Bộ Xây dựng nói riêng, đã góp phần quan trọng giúp Bộ Xây dựng hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2013, đồng thời biểu dương và chúc mừng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, được Nhà nước, Chính phủ và Bộ Xây dựng vinh danh, trao tặng những phần thưởng cao quý.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng năm 2014 là hết sức nặng nề, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống thể chế, với việc sẽ trình Quốc hội thông qua 3 bộ luật quan trọng là Luật Xây dựng (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) trong năm 2014 - những trụ cột hết

sức quan trọng để tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở Trung ương và địa phương. Bên cạnh đó, phải tiếp tục nghiên cứu các chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực phát triển đô thị, quy hoạch, quản lý và phát triển vật liệu xây dựng, nhà ở cho đồng bào vùng thiên tai, tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp...

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Lễ phát động thi đua hôm nay là một hành động thiết thực, một thông điệp về lời hứa của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các cơ quan, đơn vị khối cơ quan Bộ trước Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và lãnh đạo Bộ Xây dựng trong việc quyết tâm thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được phân công, trước hết phải hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đề ra, thứ hai là phải đảm bảo chất lượng và tiến độ, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Bộ Xây dựng đưa ra trong Chương trình hành động của ngành Xây dựng năm 2014.

**Minh Tuấn**

## **Bệnh viện Xây dựng kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam và Hội nghị triển khai kế hoạch công tác y tế ngành Xây dựng năm 2014**

Ngày 25/02/2014 tại Hà Nội, Bệnh viện Xây dựng - Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ kỷ niệm 59 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2/1955-27/2/2014) và Hội nghị triển khai kế hoạch công tác y tế ngành Xây dựng năm 2014. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đến dự, trao tặng các danh hiệu thi đua và phát biểu tại buổi Lễ.

Đến dự và chia vui với cán bộ, nhân viên y tế và người lao động Bệnh viện Xây dựng còn có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh,

Thứ trưởng Bộ Y tế Phạm Lê Tuấn và các đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ Y tế các thời kỳ.

Tại buổi Lễ, Tiến sỹ, Bác sỹ Lê Thị Hằng - Giám đốc Bệnh viện Xây dựng đã có bài diễn văn ôn lại truyền thống của ngành Y tế với Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo cáo kết quả hoạt động năm 2014 và triển khai kế hoạch công tác y tế ngành Xây dựng năm 2014.

Năm 2013, Bệnh viện Xây dựng hoạt động với quy mô 320 giường, với nhiều chuyên khoa



*Giám đốc bệnh viện Xây dựng Lê Thị Hằng đọc diễn văn khai mạc*

sâu, nhiều kỹ thuật hiện đại, từng bước nâng cấp đội ngũ chuyên môn, xây dựng cơ sở vật chất để ngày càng đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của người lao động trong ngành Xây dựng và cộng đồng, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Trong công tác khám chữa bệnh, Bệnh viện Xây dựng luôn thực hiện tốt các quy chế chuyên môn, khám bệnh cho gần 135.000 lượt bệnh nhân, điều trị nội trú và ngoại trú cho 13.793 bệnh nhân; Xây dựng, đổi mới tác phong, lề lối làm việc, tinh thần thái độ phục vụ, phương châm cốt lõi lấy người bệnh làm trung tâm của mọi hoạt động; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện và khám chữa bệnh; triển khai ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật chẩn đoán, điều trị công nghệ cao; tiếp tục triển khai tốt việc khám bệnh định kỳ cho người lao động các đơn vị trong ngành Xây dựng; thực hiện các chương trình y tế quốc gia như chương trình phòng chống sốt rét, phòng chống HIV-AIDs, dịch sốt xuất huyết, dịch sởi, đặc biệt là tại các công trình trọng điểm ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó tiếp cận các dịch vụ y tế; tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng bệnh viện mới; triển khai ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và cấp nhà nước.

Các đơn vị trực thuộc Bệnh viện Xây dựng gồm Bệnh viện Xây dựng Việt Trì và các trung tâm điều dưỡng, phục hồi chức năng đã chủ động, sáng tạo trong công việc, phát huy thuận



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ*

lợi về vị trí địa lý và cơ sở vật chất kỹ thuật được nhà nước đầu tư đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, khai thác hiệu quả tài sản, từng bước phát triển và có tích lũy, bảo tồn vốn nhà nước, đảm bảo đời sống cho người lao động...

Với những thành tích đạt được năm 2013, Bệnh viện Xây dựng đã được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc, nhiều tập thể và cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Y tế.

Theo Giám đốc Bệnh viện Xây dựng Lê Thị Hằng, nhiệm vụ năm 2014 của công tác y tế ngành Xây dựng ngày càng nặng nề trong bối cảnh nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, đầu tư của Nhà nước cho ngành Y tế còn hạn hẹp. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao, hệ thống y tế ngành Xây dựng cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, điều dưỡng phục hồi chức năng; cung cấp đủ thuốc thiết yếu đảm bảo cho công tác điều trị, sử dụng thuốc an toàn; làm tốt công tác y tế dự phòng; tăng cường ứng dụng KHCN; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và đẩy mạnh các phong trào thi đua...

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Y tế Phạm Lê Tuấn cho biết, ngày 27/02 hàng năm ngành Y tế long trọng tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống của Ngành, là dịp để ôn lại truyền thống vẻ vang và động viên nhắc nhở đội ngũ cán bộ, thầy thuốc, nhân viên y tế thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ. Trong quá trình phát triển,

ngành Y tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Mạng lưới y tế từ Trung ương đến địa phương đã được đầu tư xây dựng và phát triển; công tác y tế dự phòng được quan tâm; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, ứng dụng nhiều phương tiện, thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong khám và điều trị bệnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Thứ trưởng Phạm Lê Tuấn đánh giá cao những kết quả hoạt động trong năm 2013 của Bệnh viện Xây dựng trong việc khám, chữa bệnh cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành Xây dựng; khám, phát hiện và điều trị bệnh nghề nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống dịch bệnh trong các nhà máy, xí nghiệp, công trình xây dựng trọng điểm; khám chữa bệnh cho nhân dân... góp phần làm giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương và giúp ngành Y tế hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã gửi lời chúc mừng và cảm ơn lãnh đạo Bộ Y tế trong các thời kỳ đã ủng hộ, quan tâm và chỉ đạo Bệnh viện Xây dựng và mạng lưới y tế ngành Xây dựng, đồng thời đánh giá cao và biểu dương những nỗ lực, cố gắng của đội ngũ cán bộ, thầy thuốc, nhân viên y tế và người lao động của Bệnh viện Xây dựng trong việc khắc phục khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành các nhiệm vụ của ngành Xây dựng và sự

nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Trong năm 2013, cùng với hệ thống y tế cả nước, Bệnh viện Xây dựng đã triển khai đồng bộ các biện pháp để ngăn chặn có hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm, phòng chống tai nạn lao động, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động; Bệnh viện Xây dựng đã tập trung xây dựng đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong khám chữa bệnh và nâng cao sức khỏe, thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia do Bộ Xây dựng, Bộ Y tế giao, triển khai tốt công tác khám chữa bệnh định kỳ, đo môi trường lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ cao, nâng cao chất lượng phục vụ...

Bày tỏ sự đồng tình với kế hoạch công tác y tế ngành Xây dựng năm 2014 trong báo cáo của Bệnh viện Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn và tin tưởng rằng, tập thể CBNV bệnh viện Xây dựng sẽ tiếp tục phát huy phẩm chất cao đẹp của người cán bộ y tế, không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cho lực lượng lao động ngành Xây dựng và cộng đồng, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho y tế; quan tâm tới công tác xây dựng đội ngũ, đặc biệt chú trọng trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ thầy thuốc và nhân viên y tế...

**Minh Tuấn**

## **Con đường phát triển đô thị hóa của Hàn Quốc**

Đô thị hóa là quá trình dân số tập trung về đô thị, là giai đoạn lịch sử mà bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới đều phải trải qua trong tiến trình công nghiệp hóa. Tiến trình đô thị hóa và phát triển kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau. Do đó, khi xây dựng những chính sách liên quan tới sự phát triển đô thị hóa, cần thiết

phải phù hợp với điều kiện của khu vực, phù hợp với thực tế phát triển.

Đô thị hóa Hàn Quốc là động lực thúc đẩy cho nền kinh tế Hàn Quốc phát triển, là động lực để thúc đẩy việc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp của Hàn Quốc, nó không chỉ mang lại hiệu quả điều chỉnh hướng phát triển kinh tế,



mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đổi mới và kích hoạt các nhu cầu khác trong nước. Trong vòng 30 năm, đất nước Hàn Quốc cơ bản đã thực hiện được tiến trình đô thị hóa, xứng tầm với các quốc gia Âu Mỹ. Con đường đô thị hóa của Hàn Quốc có thể phải dùng đến từ “mô hình rút ngắn” để miêu tả, nó không thể hiện ở thời gian, mà còn thể hiện ở cả không gian.

### **I. Đô thị hóa phát triển**

Sự phát triển của thành phố Busan là hình ảnh thu nhỏ của đô thị hóa Hàn Quốc. Từ năm 1876 trở lại đây, Busan đã trở thành cảng biển quốc tế đầu tiên ở Hàn Quốc và dần trở thành trung tâm thương mại nước ngoài vào thời điểm đó. Đến năm 1936, dân số Busan vào khoảng hơn 200 nghìn người, cùng với lượng lớn dân số đổ về thành phố, đến năm 1955 dân số Busan đã là hơn 1 triệu người. Đầu những năm 60, chính sách phát triển kinh tế của Hàn Quốc đã thu hút lực lao động từ ngành nông nghiệp, ngư nghiệp tại các khu vực xung quanh đổ dồn về thành phố, đến năm 1972, quy mô dân số thành phố Busan đã lên tới 2 triệu người, đến năm 1979 là 3 triệu người, năm 1994 là gần 4 triệu người, Busan đã trở thành thành phố lớn thứ 2 ở Hàn Quốc và trở thành thành phố lớn mang tính quốc tế. Nhưng cùng với việc lực lao động tập trung nhiều vào ngành công nghiệp đã khiến cho tình hình chung dần mất đi lực cạnh tranh và họ phải di chuyển đi nơi khác, sau năm 1995 dân số Busan bắt đầu giảm xuống, đến nay quy mô chỉ còn vào khoảng 3,6 triệu người.

Tiến trình đô thị hóa Hàn Quốc trải qua 3 mốc thời gian quan trọng: Một là năm 1968, lượng dân số vùng nông thôn Hàn Quốc sụt giảm; Hai là năm 1977, dân số đô thị Hàn Quốc đã vượt xa vùng nông thôn; Ba là năm 1990, tỷ lệ dân số đô thị Hàn Quốc đã đạt 74,4%.

Căn cứ vào 3 thời điểm nêu trên, có thể thấy tiến trình đô thị hóa của Hàn Quốc chia làm 3 giai đoạn:

*Một là*, giai đoạn khởi động và tăng trưởng.

Năm 1960, được xem là năm Hàn Quốc bắt đầu tiến trình đô thị hóa. Do sự biến động về dân số đã gây ra hỗn loạn trong xã hội nên cũng tại thời điểm này, Chính phủ Hàn Quốc đã tiến hành xiết chặt công tác quản lý, đồng thời bắt đầu quy hoạch bố cục hiện đại hóa kinh tế. Nhưng sự tăng trưởng chỉ thực sự bắt đầu trong khoảng thời gian từ năm 1968 - 1977, trong giai đoạn này, sự ra đời của cơ giới hóa đã du nhập vào trong sản xuất nông nghiệp tại Hàn Quốc, thúc đẩy năng lượng sản xuất của ngành nông nghiệp Hàn Quốc tăng lên đáng kể. Đồng thời, một lượng lớn lực lao động vùng nông thôn Hàn Quốc đã bị dư thừa. Để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế lần thứ 4, Chính phủ Seoul đã cho xây dựng một loạt các khu công nghiệp tại hơn 20 điểm ở Thủ đô Seoul và đã trở thành cơ hội cho người lao động vùng nông thôn kéo về Thủ đô tìm việc. Trong thời gian này, đô thị hóa dần hình thành và chủ yếu tập trung quanh khu vực Thủ đô và bờ biển Đông Nam.

*Hai là*, giai đoạn tăng tốc. Thời gian từ năm 1977 đến năm 1990. Trong khoảng thời gian này, tình hình lạm phát ở Hàn Quốc đã được kiểm soát hiệu quả, năng lực của các doanh nghiệp trong nước đã được cải thiện rõ rệt, sức cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu đã được tăng cường. Nền kinh tế phát triển đã thúc đẩy tiến trình đô thị hóa Hàn Quốc diễn ra nhanh hơn. Dưới sự hướng dẫn của các chính sách mà Chính phủ ban hành, tiến trình đô thị hóa bắt đầu tiến triển từ các thành phố lớn, đến những thành phố vừa và những thành phố mới, dân số cũng được phân rải từ trung tâm Thủ đô cho đến vùng ngoại ô, diện tích của những thành phố cũng ngày càng mở rộng hơn.

*Ba là*, giai đoạn sau khi phát triển đô thị hóa, giai đoạn này là từ năm 1990 cho đến nay. Từ đầu năm 90, tốc độ tăng trưởng dân số đô thị Hàn Quốc đã chậm lại một cách rõ rệt. Từ việc dân số tăng với số lượng khoảng hàng triệu người mỗi năm, đã giảm xuống chỉ còn 450 nghìn người mỗi năm, đến cuối năm 2000, mức



độ dân số giảm xuống chỉ còn 350 nghìn người mỗi năm. Nguyên nhân khiến cho số lượng dân số giảm là bởi sự lão hóa nhanh chóng của dân số vùng nông thôn, ngoài ra, một trong những nguyên nhân quan trọng là do hệ thống thông tin hóa phát triển, nên đã khiến cho cơ cấu lao động tại đô thị có sự thay đổi đáng kể.

## **II. Mô hình phát triển kinh tế quyết định bố cục đô thị hóa**

Để phát triển kinh tế, Hàn Quốc đã tối ưu hóa việc phân bổ các nguồn lực, bố cục ngành công nghiệp phải theo hướng tập trung cao độ. Các thành phố lớn và thành phố mới ở Hàn Quốc cơ bản đã tập trung tại những địa điểm có trục giao thông, những cảng biển quan trọng, khu vực đô thị, khu trung tâm công nghiệp.

Đối với lưu lượng nhân khẩu nông thôn đổ dồn về thành phố, Chính phủ Hàn Quốc luôn tăng cường ban hành các chính sách hướng dẫn. Từ các chính sách cưỡng chế lưu động vào những năm 60, cho đến chính sách phân bổ lưu động vào nửa đầu những năm 70, sau đó là những chính sách tị nạn, chính sách xây dựng và mở rộng, những chính sách này đã giúp cho lượng lớn nhân khẩu lưu động tại đất nước Hàn Quốc, mặc dù diễn ra trong nhiều thập kỷ nhưng không xảy ra bất cứ tình trạng nào gây bất ổn lớn cho xã hội. Đặc biệt là đầu năm 1970, Chính phủ Hàn Quốc đã đề xuất việc xây dựng các thành phố vệ tinh bao quanh khu vực Thủ đô và đề xuất xây dựng 5 khu dân cư lớn tại những thành phố mới vào năm 1990, qua đó sẽ giảm áp lực trong tiến trình phát triển Seoul.

Tuy nhiên, nền kinh tế hiện đại hóa của Seoul cũng bắt đầu phải đối mặt với tình trạng thiếu nguồn lực và tài chính, nên chỉ còn cách phải đưa ra những lựa chọn chuẩn xác đối với từng vị trí địa lý và điều kiện phát triển sao cho phù hợp và mang lại hiệu quả nhất. Chính việc làm này đã trực tiếp dẫn đến sự mất cân bằng trong tiến trình phát triển đô thị hóa về sau. Điển hình là khu vực Gyeongsang, nơi mà có khoảng một nửa số tổng thống Hàn Quốc

được sinh ra, khu vực này đã được Chính phủ quan tâm đầu tư và xây dựng hạ tầng. Đây là nguyên nhân quan trọng gây ra sự mất cân bằng trong tiến trình phát triển đô thị hóa của Hàn Quốc. Hiện nay, khoảng 1/4 dân số Hàn Quốc đang tập trung tại Seoul, trong đó bao gồm có 6 thành phố lớn là: Seoul, Busan, Daegu, Incheon, Daejeon, Gwangju, dân số tại những thành phố này chiếm hơn 1 nửa so với tổng số nhân khẩu trên cả nước.

Hàn Quốc đã trải qua giai đoạn cải cách xã hội sâu sắc, lượng lớn nhân khẩu lưu động mãi cho đến năm 1980 mới giảm dần. Sự lưu động nhân khẩu đã làm cân bằng xã hội, người dân từ nông thôn đổ về thành phố, cơ bản đã giúp cho vị trí kinh tế xã hội được nâng lên. Mặc dù sẽ phải trải qua giai đoạn khó khăn trong một thời gian ngắn, nhưng người dân Hàn Quốc luôn có niềm tin vào cuộc sống sẽ được cải thiện trong tương lai. Do đó, ở đất nước Hàn Quốc không xảy ra tình trạng thất nghiệp trên quy mô lớn, hay xuất hiện những hiện tượng tiêu cực tại những khu nghèo giống như các quốc gia khác vẫn gặp phải trong tiến trình phát triển đô thị hóa .

## **III. Những lo lắng khi phát triển đô thị hóa nhanh chóng**

Công tác quy hoạch và sử dụng không gian giao thông của Hàn Quốc có những nét đặc trưng riêng. Về phương diện xây dựng đường cao tốc giữa các thành phố đã được Chính phủ Hàn Quốc chú trọng đầu tư nhiều và thực hiện rất tốt. Tuy nhiên, đường sá tại một số những khu vực thành phố cũ vẫn còn chật hẹp, điểm đỗ xe thiếu nghiêm trọng, trên các trục đường chính, người ta luôn chiếm lĩnh làn đường bên phải để làm bãi đậu xe, việc làm này đã tạo áp lực cho giao thông. Mật độ dân số dày đặc cũng khiến cho giao thông bị tắc nghẽn nghiêm trọng, nhất là vào những ngày lễ tết quan trọng, việc di chuyển phương tiện giữa các thành phố luôn gặp khó khăn và đường cao tốc cũng nằm trong tình trạng bị tê liệt.

Ngoài ra, do dân số đô thị tăng nhanh trong khoảng thời gian ngắn, mật độ tập trung cao đã khiến cho giá nhà đất trong thành phố tăng theo, điển hình là Seoul và nhiều thành phố lớn khác. Bắt đầu từ năm 2007, thị trường bất động sản Hàn Quốc đã dần hạ nhiệt, quy mô giao dịch tiếp tục giảm, một số bộ phận người dân tham gia đầu tư bất động sản đã phải chịu tổn thất nặng nề bởi những khoản vay đầu tư, họ gần như không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, thực trạng này đã trở thành những vấn đề nổi bật trong xã hội Hàn Quốc. Hiện nay, tình

trạng nợ và không có khả năng chi trả cho ngân hàng của các hộ gia đình và sự suy thoái của thị trường bất động sản đang là những nguyên nhân chính làm thị trường của Hàn Quốc hạn chế phát triển.

**Dương Minh**

*Nguồn: <http://www.newscn.com>*

*(Trang web: Tin tức xây dựng Trung Quốc)*

**ND: Bích Ngọc**

## **Những chính sách và gợi ý về nhà ở xã hội tại các nước Châu Mỹ Latinh**

Trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, các nước Châu Mỹ Latinh đã tạo ra xu hướng tập trung dân số tại các đô thị khiến nhu cầu về nhà ở tăng lên nhanh chóng. Việc xây dựng nhà ở không thể đáp ứng được nhu cầu của nhóm người có thu nhập thấp đã hình thành nên một lượng lớn các khu nhà ổ chuột, cùng rất nhiều vấn đề đô thị nghiêm trọng. Để giải quyết hiện trạng nhà ở đô thị, Chính phủ các nước Châu Mỹ Latinh đã sử dụng một loạt các biện pháp. Những kinh nghiệm và bài học trong quá trình thực hiện các biện pháp của các nước Châu Mỹ Latinh đã mang lại những gợi ý nhất định cho Trung Quốc trong việc hoạch định chính sách nhà ở xã hội, giải quyết vấn đề nhà ở đô thị và xây dựng hệ thống nhà ở xã hội.

Tại một số nước Châu Mỹ Latinh như Brazil, Argentina..., trong hơn một nửa thế kỷ trở lại đây, quá trình đô thị hóa tốc độ cao cũng như quá trình “đại đô thị hóa” đã khiến cho hầu hết lượng dân số đổ dồn về thành phố. Dân số nghèo tại đô thị gia tăng đã tạo ra sự leo thang về giá cả nhà ở và đất đai, đồng thời cũng tạo nên những áp lực to lớn đối với việc xây dựng nhà ở tại đô thị. Trong những đô thị đông đúc này, dưới tác động của những nhân tố khác nhau như dân số nghèo, giá nhà tăng cao...

vấn đề thiếu thốn nhà ở trở thành “trọng bệnh” của đô thị.

### **I. Tình hình nhà ở tại các nước Châu Mỹ Latinh**

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đô thị tại các nước Châu Mỹ Latinh, sự tập trung dân số tại các thành phố và thị trấn đã đem tới một loạt các vấn đề về đô thị như: Các hộ gia đình có thu nhập thấp tập trung với số lượng lớn, nhà ở đô thị khó có thể đáp ứng được nhu cầu của lượng dân số này. Sự xuất hiện của rất nhiều các khu nhà ổ chuột trong đô thị đã mang đến những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với việc thực hiện đô thị hóa cũng như sự phát triển của đô thị.

#### **1. Hiện tượng đô thị hóa và “nhà ổ chuột”**

Trong quá trình đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, Brazil hết sức chú trọng thúc đẩy tiến trình đô thị hóa. Hiện tại, Brazil đang là một trong những nước đang phát triển có mức độ đô thị hóa cao nhất. Tỷ lệ đô thị hóa của Brazil từ 45,08% vào năm 1960 tăng lên 81,25% vào năm 2000. Tuy nhiên, do tiến trình đô thị hóa nhanh hơn công nghiệp hóa nên đã xuất hiện “đô thị hóa quá mức”, làm xuất hiện các “nhà ổ chuột” với số lượng lớn. Hiện có khoảng 35 triệu người cư trú trong các “nhà ổ chuột” đô thị,

chiếm 25,4% dân số đô thị toàn Brazil. Thành phố Rio de Janeiro là thành phố lớn hiện đại hóa và là một trong 10 thành phố du lịch nổi tiếng trên thế giới. Dân số khu vực thành phố là 5,5 triệu người, trong đó có hơn 1,5 triệu người sống trong các khu nhà ổ chuột. “Nhà ổ chuột” đã trở thành một hiện tượng xã hội đặc biệt tại Brazil, đồng thời cũng mang đến một loạt các vấn đề xã hội khác như gây bất ổn định, môi trường đô thị suy thoái...

## **2. Tình hình cư trú của những người có thu nhập thấp tại đô thị**

Tại đô thị, những người giàu có thường sinh sống tại những nơi có môi trường tốt, giao thông thuận tiện, ngược lại những người có thu nhập thấp lại sống trong những khu nhà ổ của người thu nhập thấp và trong các khu nhà ổ chuột. Năm 1987, cả nước Brazil có khoảng 25 triệu người sống trong các nhà ổ chuột. Năm 1991, có 3.188 căn nhà ổ chuột, năm 2000 tăng lên 3.905 căn, phân bố rộng rãi tại các thành phố lớn của Brazil và hiện đã phát triển tới các thành phố trung bình. Lấy thành phố Sao Paulo làm ví dụ. Thành phố có diện tích 1.500 km<sup>2</sup>, dân số 11 triệu người, trong đó diện tích đất cư trú bất an toàn (Precarious settlements area) đạt tới 136 km<sup>2</sup> với dân số 3,34 triệu người, trong đó có 1.575 căn nhà ổ chuột. Những căn nhà ổ chuột với môi trường sống tệ hại và những khu nhà ổ của người có thu nhập thấp được chính quyền thành phố Sao Paulo gọi là “khu cư trú bất an toàn”. Các nhà ổ chuột chủ yếu tập trung tại khu vực ven đô. Khu vực trung tâm thành phố cũng có nhà ổ chuột nhưng với số lượng ít. Khu vực nhà ổ cho người thu nhập thấp chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm thành phố.

## **3. Nhà ở tại các nước Châu Mỹ Latinh thiếu hụt nghiêm trọng**

Nguyên nhân thiếu hụt nhà ở của Brazil là do sự đô thị hóa quá mức. Cho tới giữa thế kỷ XX, đa số dân số của Brazil cư trú tại vùng nông thôn. Trong hơn 60 năm qua, một lượng

lớn dân số đã tràn vào các thành phố. Ví dụ trước năm 1946 khi thủ đô Brasilia được thành lập, ước tính đến năm 2000, thành phố có 500 nghìn dân thường trú, tuy nhiên đến năm 1990, sau 30 năm thành phố được thành lập, dân số thành phố này đã vượt quá 1 triệu dân. Hiện tại, 1/3 dân số Brazil tập trung tại 9 đô thị lớn. Nhà ở cho những công nhân có thu nhập hàng năm với 320 euro là rất thiếu thốn, tỷ lệ nhà ở còn thiếu đạt tới 93%. Theo thống kê của Hiệp hội Kiến trúc Sao Paulo, năm 2006, Brazil có 2,431 triệu căn nhà ở dành cho 2 hộ gia đình trở lên sống chung trong 1 căn, ngoài ra tại các khu vực tập trung nhà ổ chuột, có tới 3,548 triệu căn nhà ở không thích hợp cho việc cư trú.

## **II. Các biện pháp về nhà ở xã hội cho tầng lớp thu nhập thấp tại các nước Châu Mỹ Latinh**

Đối mặt với sự tăng trưởng dân số do đô thị hóa mang tới cũng như vấn đề về nhà ổ chuột tại đô thị, các nước Châu Mỹ Latinh đã sử dụng một loạt biện pháp nhằm hóa giải hiện trạng nhà ở cho người dân, cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhóm người có thu nhập thấp, bảo vệ sự ổn định của xã hội.

### **1. Tăng cường chỉ đạo quy hoạch, đề ra kế hoạch phát triển nhà ở xã hội**

Tháng 3/2009, Tổng thống Brazil tuyên bố về kế hoạch bảo đảm nhà ở “Nhà của tôi, cuộc sống của tôi”, kế hoạch trong vòng vài năm tới sẽ đầu tư 19,2 tỷ USD để xây dựng 1 triệu căn nhà ở cho người có thu nhập thấp và trung bình. Tuy nhiên, lượng nhà ở thiếu hụt là rất lớn cho nên vào tháng 3/2010 Chính phủ Brazil lại công bố kế hoạch cho giai đoạn 2, trong đó sẽ tiếp tục đầu tư 45,2 tỷ USD để xây 2 triệu căn nhà ở, một nửa đầu tư sẽ dùng để hỗ trợ cho nhóm người có thu nhập thấp.

Trước đó, Chính phủ Brazil đã lần lượt đề ra các kế hoạch phát triển nhà ở như: “Kế hoạch nhà ở toàn quốc” (năm 1964), kế hoạch hướng tới mọi tầng lớp người dân nhằm cung cấp nguồn nhà ở thích đáng đồng thời kích lệ

người dân tự xây nhà; “Kế hoạch nhà ở cho người dân toàn quốc” (năm 1973), xây dựng 2 triệu căn nhà ở với chi phí bình quân cho mỗi căn là 2.500 USD để giải quyết vấn đề nhà ở cho tầng lớp có thu nhập thấp nhất; “Kế hoạch phát triển nhà ở toàn quốc” (năm 1984), mở rộng xây dựng 2 triệu căn nhà ở, lắp đặt hệ thống đường nước cho 8 triệu cư dân.

## **2. Đưa ra chính sách bảo đảm, tăng cường hỗ trợ tín dụng trong xây dựng nhà ở xã hội**

Để thực thi kế hoạch phát triển nhà ở, các ngân hàng xây dựng nhà ở trên toàn Brazil đã thống nhất về công tác phê duyệt các khoản vay và cấp nhà ở. Các ngân hàng này đều sử dụng chính sách hỗ trợ trọng điểm cho gia đình có thu nhập thấp. Những người có thu nhập thấp và trung bình có thể mua nhà do Chính phủ đầu tư xây dựng, đồng thời có thể hưởng ưu đãi cho vay dài hạn với lãi suất năm thấp nhất với 1%. Tuy nhiên, giá cả và chất lượng nhà ở dành cho người có thu nhập thấp và trung bình có khác nhau.

## **3. Tăng đầu tư cho nhà ở xã hội, đề ra chế độ Quỹ bảo đảm việc làm**

Mục đích chính của Quỹ bảo đảm việc làm là: Như một bảo hiểm nghề nghiệp, tăng phúc lợi cá nhân; Như một khoản vay xây dựng nhà ở, thúc đẩy việc xây dựng nhà ở; Như một quỹ tín dụng nhà ở, trực tiếp cải thiện điều kiện cư trú cho công nhân. Sau khi công nhân tham gia Quỹ được 6 năm, khi mua nhà có thể rút tiền trong tài khoản để trả khoản tiền mua nhà. Để bảo đảm đầu tư nhà ở và nguồn vốn tín dụng, vào năm 1966, Chính phủ Brazil đã thông qua chế độ cải cách bảo đảm xã hội, xây dựng nên “Quỹ bảo đảm việc làm” nhằm kết hợp khéo léo giữa kế hoạch phúc lợi xã hội và Quỹ phát triển nhà ở. Cùng với sự gia tăng của số lượng công nhân tham gia Quỹ, nguồn vốn dành cho nhà ở và phát triển đô thị của các ngân hàng xây dựng toàn quốc cũng ngày càng tăng lên.

## **4. Duy trì sự phát triển ổn định, làm giảm**

## **những nhân tố gây bất ổn định xã hội**

Về việc cải tạo các khu nhà ổ chuột, biện pháp phổ biến là ngăn chặn tái xây dựng trên địa điểm cũ. Tuy nhiên, biện pháp được lựa chọn là xây trước dỡ sau, các gia đình nghèo không cần chu chuyển, chỉ cần đợi nhà mới xây xong là có thể chuyển tới, những nhà ở dột nát cũ sau khi được tháo dỡ sẽ được xây dựng lại, cứ thế tiến hành. Việc cải tạo, tháo dỡ tại địa điểm cũ dễ dàng được người thu nhập thấp tiếp nhận (bởi vì họ không thể rời xa môi trường cư trú thân thuộc vốn có), đồng thời thông qua việc cải tạo phân khu, phân mảnh, từng bước cải thiện môi trường cư trú của những nhà ổ chuột. Đối với những nhà ổ chuột không thể tháo dỡ, tách rời triệt để, tuy không có lợi cho việc phá vỡ hình trạng xã hội vốn có, giải quyết căn bệnh mãn tính của nhà ổ chuột nhưng có thể hóa giải tình trạng khó khăn, nghèo nàn.

## **III. Những gợi ý về chế độ nhà ở xã hội từ các nước Châu Mỹ Latinh**

Công tác nhà ở xã hội tại hai nước lớn ở Nam Mỹ là Brazil và Argentina đã được tiến hành mấy chục năm qua. Những kinh nghiệm và bài học về chế độ nhà ở xã hội của hai nước này có thể giúp Trung Quốc có được những gợi mở quan trọng trong việc xây dựng chế độ nhà ở xã hội.

### **1. Đẩy nhanh tiến trình cải tạo các khu nhà ổ chuột và các làng quê thuộc thành phố, tránh hình thành khu tập trung với quy mô lớn của những người nghèo**

Hiện tại, Trung Quốc đang trong thời kỳ phát triển đô thị hóa tốc độ cao, dân số ồ ạt tiến vào thành phố, hơn nữa đa số đều tập trung ở ven đô với mức sống vừa phải và chi phí cho việc thuê nhà tương đối thấp. Điều này đã khiến cho số lượng các làng trong thành phố ngày càng gia tăng, quy mô cũng dần dần mở rộng. Về vấn đề này, chính quyền các thành phố cần tiếp thu kinh nghiệm và bài học từ các nước Châu Mỹ Latinh, kịp thời tiến hành cải tạo nếu không sẽ làm tăng thêm độ khó và chi phí trong cải

tạo, hơn nữa còn làm xuất hiện tình trạng môi trường suy thoái, sự phát sinh liên tiếp của các vụ phạm pháp.

## **2. Xây dựng hệ thống nhà ở xã hội, tạo môi trường chính sách nhà ở xã hội tốt đẹp**

Để cải thiện hiện trạng của các làng thuộc thành phố, các nước Châu Mỹ Latinh đã đề ra một số chính sách như tăng cường hỗ trợ tín dụng cho nhà ở xã hội, đề ra các biện pháp như chế độ quỹ bảo đảm việc làm, cải thiện chất lượng sống của các hộ gia đình và người có thu nhập thấp. Đối mặt với hiện trạng khó khăn về nhà ở của người có thu nhập thấp và trung bình tại các đô thị, Trung Quốc đã đề ra các chính sách nhà ở xã hội có liên quan như tiến hành quy hoạch đất, hỗ trợ tài chính, cơ chế quản lý nhà ở xã hội... Trên cơ sở các chính sách về nhà ở xã hội hiện có xây dựng phương thức bảo đảm, chế độ bảo đảm hợp lý, hoàn thiện hệ thống nhà ở xã hội.

## **3. Xây dựng chế độ đầu tư và thực thi nhà ở xã hội hợp lý**

Nguồn thu từ thuế của các nước Nam Mỹ chủ yếu dựa vào các địa phương và chính quyền các bang. Tuy nhiên, Brazil, Argentina và một số nước như Anh, Mỹ, Nhật Bản đều dựa trên nguồn vốn của chính quyền Liên bang để tiến hành xây dựng và hỗ trợ cho nhà ở công cộng. Với Trung Quốc, nếu chỉ dựa vào đầu tư đơn thuần của Chính phủ thì không thể hoàn toàn giải quyết vấn đề nhà ở công cộng, đặc biệt là đối với loại hình nhà ở xã hội cho thuê. Vì vậy, căn cứ theo tình hình của Trung Quốc, đối với khu vực miền Trung và miền Tây rộng lớn, cần xây dựng chế độ nhà ở xã hội đồng bộ do Trung ương đầu tư tài chính, chính quyền địa phương cung cấp đất đai và phụ trách cơ sở hạ tầng, đồng thời đổi mới phương thức hỗ trợ tài chính công.

## **4. Tránh việc xây dựng nhà ở xã hội quá tập trung, ngăn chặn sự xuất hiện của những “khu ổ chuột” mới**

Trong quá trình cải tạo các nhà ổ chuột, các

nước Châu Mỹ Latinh do chưa thể tính toán hợp lý khả năng sinh sống của người dân sau cải tạo, cư dân tập trung nhiều tại các thôn sau cải tạo trong thành phố khiến xuất hiện “nhà ổ chuột” trong các khu nhà cải tạo. Trung Quốc cần rút ra bài học từ đây: Trong quá trình xây dựng nhà ở công cộng, không nên tập trung xây dựng với quy mô lớn, nên xây mới với quy mô nhỏ, chủ yếu trên những địa điểm cũ. Bố cục tập trung nhà ở công cộng quy mô lớn không chỉ đem lại nhiều vấn đề xã hội mà còn bất lợi cho việc bố trí việc làm, rất khó có thể cải thiện tình trạng thu nhập của những hộ gia đình thu nhập thấp. Vì vậy, nhà ở công cộng cần tiến hành xây dựng phân tán, phân bố hỗn hợp với những khu nhà ở thông thường, các khu nhà nhỏ sẽ tương đối độc lập, thuận tiện cho chính quyền quản lý.

## **5. Sử dụng các chính sách bảo đảm đặc biệt cho những gia đình đặc biệt**

Đối với các hộ gia đình nghèo, gặp nhiều khó khăn, Argentina và Brazil không những miễn tiền thuê nhà mà còn miễn trừ tất cả các chi phí như điện, nước... Tại một số khu vực nhà ổ chuột còn xây dựng các nhà ăn lớn, cung cấp miễn phí 3 bữa một ngày cho những người nghèo. Tại Trung Quốc, trong quá trình xây dựng hệ thống nhà ở xã hội, đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt, Chính phủ cũng đã đưa ra chế độ nhà ở cho thuê giá rẻ. Tuy nhiên, chính sách này chưa thực sự phát huy tác dụng. Trung Quốc cần đi sâu nghiên cứu để chính sách này có thể hỗ trợ tối đa những gia đình có thu nhập thấp.

**Vương Ngọc Điền, Tôn Vũ**  
**(Viện Thông tin Xây dựng và Khoa học**  
**kỹ thuật Châu Á Thái Bình Dương; Phòng**  
**Khoa học địa lý và Nghiên cứu tài nguyên -**  
**Viện Khoa học Trung Quốc)**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn*  
*Trung Quốc, số 11/2013*

**ND: Kim Nhạn**



## **Những vấn đề trong quản lý hiệu quả môi trường nông thôn mới ở Trung Quốc**

Cùng với tiến trình nhất thể hóa thành thị - nông thôn và sự tiến bộ trong xây dựng, các địa phương trên khắp Trung Quốc đang phát triển môi trường nông thôn mới, sinh thái và thân thiện với môi trường, đặc biệt là trong xây dựng công trình xử lý rác thải. Quản lý hiệu quả môi trường nông thôn chính là quản lý hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống sông ngòi, cây xanh, thu gom và xử lý rác thải. Mỗi hạng mục quản lý đều cần phải có tiêu chuẩn và yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên, đối với quản lý hiệu quả và dài hạn thì 4 vấn đề nêu trên cần phải có kế hoạch thực hiện dài hạn.

### **“4 vấn đề trong nhất thể hóa nông thôn” thực hiện cải thiện môi trường nông thôn**

Quản lý hiệu quả và lâu dài môi trường nông thôn được thể hiện qua 4 phương diện sau: *Một là*, quản lý và bảo vệ hệ thống đường giao thông nông thôn. Đường giao thông ở nông thôn thường được người dân tận dụng để phơi rơm rạ, thậm chí là đổ rác thải xây dựng và chất thải trong sản xuất nông nghiệp. Chính vì thế, hệ thống cống rãnh thoát nước mưa cũng bị ảnh hưởng. Mặt đường, vỉa hè, mặt cầu không được làm sạch thường xuyên. Vỉa hè, lòng đường bị lổ lổm, sụt lún. Cây xanh hai bên đường cũng không được chăm sóc cẩn thận. Vì thế, cần có biện pháp mạnh để bảo quản đường giao thông nông thôn, có quy định rõ ràng về sử dụng đường giao thông và yêu cầu đơn vị bảo trì bảo dưỡng đường có trách nhiệm định kỳ bảo dưỡng ít nhất là 95% diện tích mặt đường giao thông trong khu vực. *Hai là*, quản lý và bảo vệ hệ thống sông ngòi. Đường bao 2 bên bờ sông và kênh rạch cần được làm sạch, mặt nước và lòng sông, lòng kênh cần được thường xuyên nạo vét và vớt rác thải, không để bèo tấm bao phủ mặt sông, mặt kênh. Đặc biệt, cơ quan chức năng phải có quy định quản lý rõ ràng về việc xả thải của khu công nghiệp, khu

vực xây dựng, khu sản xuất nông nghiệp. Nước thải sinh hoạt và nước thải ô nhiễm của khu công nghiệp phải qua hệ thống xử lý mới được xả ra sông, ngòi. *Ba là*, việc quản lý cây xanh ở khu vực nông thôn. Vành đai xanh thường tập trung ở khu vực nông thôn, nên hệ thống cây xanh cần được chăm sóc cẩn thận, đặc biệt là những cây lấy gỗ lâu năm. Cần thường xuyên phun thuốc trị sâu bệnh, trồng xen kẽ cây tán rộng với cây bụi nhỏ, nghiêm cấm hành vi phá hoại hay khai thác cây lấy gỗ. *Bốn là*, vấn đề thu gom và xử lý rác thải. Thực hiện theo mô hình thu gom - vận chuyển - xử lý rác thải từ làng đến thị trấn đến huyện. Rác thải sinh hoạt ở nông thôn được thu gom rồi nén lại thành khối, đóng vào thùng rồi vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải (hoặc bãi rác tập trung).

Việc quản lý lâu dài và hiệu quả 4 vấn đề kể trên của môi trường nông thôn chính là tiêu chuẩn để phát triển nông thôn mới, và cũng là yếu tố căn bản làm thay đổi bộ mặt nông thôn Trung Quốc hiện nay.

### **Tăng cường kiểm tra, quản lý lâu dài và hiệu quả**

Yếu tố căn bản để làm nên mô hình quản lý hiệu quả lâu dài môi trường nông thôn chính là “Quản lý nhất thể hóa trên mọi phương diện”, đặc biệt là đối với vấn đề rác thải nông thôn.

Cụ thể, chính quyền địa phương phải xác định được tiêu chuẩn xử lý rác thải tại khu vực quản lý, xác định khối lượng rác thải thu gom và xử lý theo ngày, lập kế hoạch theo dõi kiểm tra định kỳ, quản lý và theo dõi việc thu gom và làm sạch môi trường của nhân viên vệ sinh môi trường; Lên kế hoạch định kỳ nạo vét lòng sông, kênh, rạch; sửa chữa bảo dưỡng đường nông thôn, chăm sóc cây xanh và phòng chống dịch bệnh theo mùa cho cây. Với mỗi công việc cụ thể cần xác định rõ chi phí, có kế hoạch chi tiêu hợp lý. Những đơn vị chuyên trách có trách

nhiệm báo cáo công việc và nguồn chi rõ ràng cho lãnh đạo cấp trên.

Ngoài ra, mỗi địa phương cũng cần phải có bộ máy tổ chức quản lý chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đồng thời xử phạt những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho địa phương về đường sá, sông ngòi, cây xanh, hoặc vứt rác thải bừa bãi, đặc biệt là kiểm tra chặt chẽ quy trình xử lý nước thải, rác thải của khu công nghiệp và khu sản xuất. Việc quản lý môi trường nông thôn có đạt được hiệu quả hay không phụ thuộc vào biện pháp quản lý cụ thể của từng địa phương và công tác thanh kiểm tra của các ban ngành có liên quan. Chỉ cần kiên trì và duy trì tốt hệ thống quản lý theo quy chuẩn thì mục đích cải tạo nông thôn ngày một đẹp hơn, sạch hơn, đời sống của người dân được nâng cao hơn là điều hoàn toàn có thể đạt được trong tương lai.

Việc đánh giá công tác quản lý môi trường nông thôn có đạt hiệu quả hay không dựa trên 3 điểm: *Một là*, ý thức làm việc của nhân viên vệ sinh môi trường ở địa phương và người quản lý (1 tháng đánh giá, kiểm điểm 1 lần). *Hai là*, thị trấn, xã có trách nhiệm quản lý và chi ngân sách cho hoạt động vệ sinh môi trường (công việc này thực hiện theo quý, 3 tháng đánh giá 1 lần). *Ba là*, thành phố, huyện kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng môi trường nông thôn, chủ yếu là đánh giá tình hình tổng thể và kế hoạch quản lý dài hạn. Dựa vào việc đánh giá theo 3 quy tắc này, lãnh đạo địa phương có thể nắm bắt được tình hình quản lý thực tế, hiệu quả của công tác quản lý và điều chỉnh nguồn chi ngân sách hợp lý cho từng khu vực.

### **Điều kiện tiên quyết để quản lý hiệu quả và dài hạn**

Để thực hiện được việc quản lý hiệu quả và dài hạn “4 vấn đề trong nhất thể hóa nông thôn” cần phải có 3 điều kiện sau:

*Thứ nhất là* xác định chủ thể thực hiện công tác quản lý tại địa phương. Giao thông nông thôn, quản lý và bảo vệ hệ thống sông ngòi, xanh hóa nông thôn, thu gom và xử lý rác thải

là 4 vấn đề cần có 4 đơn vị chức năng khác nhau quản lý. Căn cứ vào nguyên tắc quản lý nhất thể hóa, yêu cầu các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm thiết lập đơn vị chuyên trách từng vấn đề, có người đứng đầu quản lý và có cơ cấu hoạt động rõ ràng, có quyền hạn, thống nhất quản lý, thống nhất tiêu chuẩn, thống nhất kinh phí, và xác định nguồn thu cho địa phương (nếu có).

*Hai là* cần phải có một hệ thống vận hành hoàn chỉnh. Bốn đơn vị quản lý 4 lĩnh vực khác nhau có quy tắc và phương pháp hoạt động riêng, tuy nhiên, cũng cần có sự phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý và giám sát công việc, và cần có sự tham gia và ủng hộ của người dân cũng như các doanh nghiệp sản xuất.

*Ba là* vấn đề kinh phí hoạt động. Tại khu vực thị trấn, làng xã, hệ thống xử lý rác thải còn thô sơ, kinh phí đầu tư thấp, chủ yếu là chôn lấp rác thải, có nhiều loại rác không thể phân hủy cũng không được qua xử lý, để lâu sẽ ảnh hưởng đến môi trường, thậm chí sẽ ảnh hưởng cả đến nguồn nước ngầm, nước sông ngòi. Vì thế, cần có kinh phí đầu tư thích hợp cho làng, xã để chính quyền địa phương có đội ngũ làm vệ sinh môi trường chuyên nghiệp, có thiết bị thu gom rác và xây dựng cơ sở xử lý rác thải ngay tại địa phương. Công tác quản lý cây xanh, nạo vét sông ngòi, bảo trì đường thôn, xóm cũng mất khoản chi phí không nhỏ, vì thế chính quyền địa phương cũng cần có kế hoạch chi tiêu ngân sách để bổ sung thêm thiết bị phục vụ cho công việc như máy cắt cỏ, thuyền, xe tưới nước... Ngân sách nhà nước cấp có hạn, do đó để có đủ chi phí cho mọi hoạt động của địa phương thì lãnh đạo cần có biện pháp quản lý chặt chẽ, đồng thời kêu gọi sự hỗ trợ của doanh nghiệp.

**Quách Hiểu Đông**

Nguồn: <http://www.chinajsbcn>

**ND: Quỳnh Anh**

## Tin Internet về tiết kiệm năng lượng và xây dựng xanh

### 1. Tỉnh Hắc Long Giang đưa ra phương án thực thi xây dựng xanh, người dân được ưu đãi cho vay khi mua nhà “xanh”

Gần đây, Tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc đã đưa ra “Phương án thực thi xây dựng xanh tỉnh Hắc Long Giang”. “Phương án” quy định những công trình do Chính phủ đầu tư như cơ quan Nhà nước, trường học, sân vận động..., các nhà ở xã hội cấp thành phố của thành phố Cấp Nhĩ Tân và Đại Khánh, các công trình công cộng đơn thể lớn (có diện tích trên 20 nghìn m<sup>2</sup>) như sân bay, bãi xe... từ năm 2014 sẽ thực hiện toàn diện tiêu chuẩn xây dựng xanh. Người dân mua “nhà xanh” sẽ được hưởng ưu đãi về lãi suất thế chấp.

“Phương án” chỉ rõ: Trong giai đoạn “5 năm lần thứ XII” sẽ hoàn thành 8 triệu m<sup>2</sup> công trình xanh mới, hoàn thành 50 triệu m<sup>2</sup> dành cho cải tạo tiết kiệm năng lượng và đo nhiệt trong công trình nhà ở hiện có, cải tạo tiết kiệm năng lượng cho 1 triệu m<sup>2</sup> công trình công cộng. Đến cuối giai đoạn “5 năm lần thứ XII”, các công trình mới xây tại thành phố và thị trấn của tỉnh Hắc Long Giang sẽ đạt yêu cầu về tiêu chuẩn công trình xanh. Đến cuối năm 2020, cơ bản hoàn thành cải tạo tiết kiệm năng lượng công trình nhà ở đô thị nông thôn tỉnh, xây dựng 6 cơ sở công nghiệp hóa nhà ở cấp quốc gia.

Những công trình không đạt tới tiêu chuẩn bắt buộc về thiết kế tiết kiệm năng lượng xây dựng của tỉnh và quốc gia, công trình chưa thông qua thẩm tra tiết kiệm năng lượng xây dựng sẽ không được cấp giấy phép thi công. Các hạng mục mới không đạt tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng xây dựng sẽ phải sửa đổi, nếu không sẽ không được nghiệm thu.

“Phương án” cho biết, trong giai đoạn “5 năm lần thứ XII”, tỉnh Hắc Long Giang sẽ hoàn thành 50 triệu m<sup>2</sup> cải tạo tiết kiệm năng lượng và đo nhiệt tại các công trình nhà ở vốn có. Trước năm 2015 sẽ đưa ra chính sách tiêu

chuẩn kỹ thuật thống nhất về công trình quang nhiệt năng lượng mặt trời, phổ cập tận dụng nước nóng năng lượng mặt trời. Đến cuối năm 2015, diện tích ứng dụng công trình năng lượng tái sinh mới tăng sẽ là 40 triệu m<sup>2</sup>.

Khích lệ các doanh nghiệp khai thác bất động sản xây dựng công trình xanh. Ủng hộ các cơ cấu tài chính đưa ra những ưu đãi thích đáng về lãi suất cho vay mua nhà ở đối với người mua nhà xanh trên cơ sở phù hợp với chính sách điều tiết kiểm soát bất động sản của Nhà nước.

Các cơ quan như Sở Nhà ở - Xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh, Ủy ban Phát triển và Cải cách tỉnh... cần chỉ đạo các địa phương hoàn thiện giá cả đo nhiệt và biện pháp thu phí. Các công trình mới xây, công trình hoàn thành cải tạo đo nhiệt toàn bộ thực hiện thu phí đo nhiệt.

### 2. Từ năm 2014, tỉnh Thiểm Tây sẽ phát triển xây dựng xanh cho nhà ở xã hội

Từ năm 2014, tỉnh Thiểm Tây sẽ từng bước phát triển xây dựng xanh đối với các hạng mục nhà ở xã hội mới, góp phần thúc đẩy sự phát triển quy mô hóa công trình xanh trong xây dựng nhà ở xã hội.

Theo yêu cầu, từ năm 2014, thành phố Tây An sẽ thi hành tiêu chuẩn xây dựng xanh đối với toàn bộ công trình nhà ở xã hội mới khởi công, các thành phố (khu vực) khác sẽ lựa chọn 20% hạng mục nhà ở xã hội làm thí điểm mẫu công trình xanh, từng bước nâng cao tỷ trọng công trình xanh trong xây dựng nhà ở xã hội, không ngừng mở rộng quy mô xây dựng công trình xanh, phấn đấu đến cuối năm 2015 diện tích công trình nhà ở xã hội xanh mới trong toàn tỉnh đạt từ 10 triệu m<sup>2</sup> trở lên.

Sở Nhà ở - Xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh cho biết: Tỉnh sẽ không ngừng hoàn thiện cơ chế thực thi nhà ở xã hội xanh. Khích lệ các nhà ở xã hội mới tiến hành xây dựng theo tiêu chuẩn xây dựng xanh, đồng thời yêu cầu các hạng mục nhà ở xã hội mới cần nghiêm túc căn

cứ yêu cầu của “Biện pháp quản lý xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và lựa chọn địa điểm quy hoạch cho hạng mục nhà ở xã hội tỉnh Thiểm Tây” và “Nguyên tắc chi tiết về kỹ thuật đánh giá công trình xanh” để tiến hành quy hoạch, lựa chọn địa điểm và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ.

Cơ quan quy hoạch cần nắm chắc các tiêu chuẩn, yêu cầu có liên quan đối với quy hoạch, phương án và chỉ tiêu thiết kế của hạng mục nhà ở xã hội.

Đơn vị thiết kế cần căn cứ tiêu chuẩn xây dựng xanh, các quy định pháp luật có liên quan để tiến hành thiết kế nhà ở xã hội, lựa chọn kỹ thuật và vật liệu xây dựng xanh phù hợp. Phương án thiết kế và bản vẽ thiết kế thi công cần có mục riêng cho xây dựng xanh.

Cơ quan thẩm tra bản vẽ thiết kế thi công

cần tiến hành thẩm tra theo những tiêu chuẩn có liên quan về công trình xanh, đồng thời đưa ra ý kiến thẩm tra.

Thực thi xây dựng nhà ở xã hội quy mô lớn là yêu cầu tất yếu để bảo đảm và cải thiện cuộc sống của người dân, thúc đẩy xã hội phát triển hài hòa, ổn định. Nhà ở xã hội là hạng mục do Nhà nước chỉ đạo xây dựng, căn cứ theo các tiêu chuẩn xây dựng xanh để tiến hành xây dựng nhà ở xã hội đã cải thiện chất lượng nhà ở và cuộc sống cho người có thu nhập thấp và trung bình, giúp họ hưởng thụ được những thành quả của sự phát triển kinh tế xã hội và những tiến bộ kỹ thuật.

**Vu Hải Hà, An Thụy**

*Nguồn: mohurd.gov.cn*

**ND: Kim Nhạn**

# BỆNH VIỆN XÂY DỰNG KỶ NIỆM NGÀY THẦY THUỐC VIỆT NAM VÀ HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC Y TẾ NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2014

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao Cờ thi đua Chính phủ cho tập thể Bệnh viện Xây dựng